

CÔNG TY CỔ PHẦN 26
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
26

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN 26
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Quận Long Biên,
O=CÔNG TY CỔ PHẦN 26, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN 26,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100108818
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-06-26 16:48:43
Foxit Reader Version: 10.0.1

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU
Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

1. Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.
2. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty.
5. Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán kiểm toán độc lập năm 2026.
6. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động kiểm soát năm 2025, kế hoạch năm 2026.
7. Báo cáo Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030.
8. Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.

BÁO CÁO KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Nhìn lại năm 2025, nền kinh tế đối mặt với nhiều lực cản chưa từng có. Tuy nhiên, bằng sự đồng lòng và chiến lược quản trị rủi ro linh hoạt, Công ty Cổ phần 26 đã kiên cường vượt qua để duy trì đà tăng trưởng ổn định.

I. Tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Đánh giá chung

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với "bão táp" địa chính trị, xung đột thương mại và sự điều chỉnh chiến lược của các cường quốc, dẫn đến mức tăng trưởng khiêm tốn. Thương mại toàn cầu trải qua các thay đổi lớn, dịch chuyển chuỗi cung ứng và gia tăng các rào cản kỹ thuật, sự phân hóa ngày càng rõ nét giữa các nhóm nền kinh tế.

Năm 2025 là giai đoạn bản lề của kinh tế Việt Nam, nền kinh tế đồng thời chịu tác động từ biến động quốc tế và bước vào "kỷ nguyên phát triển mới" với định hướng chính sách chiến lược cho giai đoạn 2026-2030.

Đứng trước thách thức và cơ hội, dưới sự chỉ đạo sát sao của Thủ trưởng cấp trên, sự lãnh đạo nhạy bén của Ban điều hành, Công ty cổ phần 26 đã định hướng được lối đi đúng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cùng với sự đồng lòng thống nhất của toàn bộ hệ thống, từ trách nhiệm của Ban điều hành đến chỉ huy các đơn vị thành viên và sự hăng say lao động của toàn thể cán bộ nhân viên, người lao động đã phát huy được sức mạnh, vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua, cụ thể:

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

a) Một số chỉ tiêu trọng yếu: Được thể hiện cụ thể theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 1.076,8 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế là: hơn 34,123 tỷ đồng
- + Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là: 332,220 tỷ đồng
- + Tổng tài sản Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 640,153 tỷ đồng

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm:

- Đối với công tác sản xuất hàng quốc phòng: Đây là nhiệm vụ chính trị hàng đầu, Công ty luôn tập trung đảm bảo hàng quân nhu thường xuyên đúng

tiền độ, số lượng và chất lượng hàng hóa như các: kế hoạch năm, kế hoạch gối, kế hoạch đảm bảo cho SQ,QNCN ra trường; tân binh nhập ngũ... Đối với hàng đột xuất, đặc biệt như: Đảm bảo quân trang cho lực lượng tham gia điều binh, điều hành trong Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9 cũng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chủ động nghiên cứu cải tiến mẫu mã, chất lượng sản phẩm do vậy chất lượng sản phẩm quốc phòng trong năm ổn định và được nâng cao.

- Đối với hoạt động phát triển hàng kinh tế, thương mại:

Chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kinh tế với quốc phòng đáp ứng yêu cầu hội nhập đã giúp Công ty gặt hái được nhiều thành tựu trong năm 2025. Công ty đã chủ động bám sát nhu cầu thị trường, khách hàng, tổ chức nhiều giải pháp mở rộng thị trường, đang xây dựng phát triển hệ thống bán lẻ trên cả nước, phát triển các kênh bán hàng qua mạng và trên các trang thương mại điện tử. Đồng thời Công ty đã chủ động bám sát thị trường trang phục cho các ngành, cơ quan và các doanh nghiệp lớn trong cả nước, do vậy trong năm đã ký kết được một số hợp đồng giá trị lớn cung cấp cho các ngành như: Bộ CA; Tòa án, Tổng cục Quản lý thị trường, Viện kiểm sát, Tổng cục Thuế... đã đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng, tạo niềm tin đối với sản phẩm của Công ty.

- Đối với hoạt động xuất khẩu: Mặc dù ảnh hưởng của xung đột ngũ trang khiến nhu cầu về gỗ sứt giảm, Công ty đã không ngừng tìm kiếm lối đi mới bằng cách duy trì đáp ứng khách hàng cũ, tìm kiếm mở rộng tệp khách hàng mới, đa dạng mẫu mã, sản phẩm chất lượng.... Mặt khác, với sự nhạy bén thị trường, Công ty đã chuyển hướng phát triển sang gia công và làm hàng xuất khẩu ngành giấy, ngành may. Để đáp ứng điều kiện với khách hàng quốc tế, Công ty đã chuẩn bị các chứng chỉ BSCI, C-TPAT, đội ngũ nhân sự chất lượng, nâng cấp máy móc và tay nghề công nhân...

c) Kết quả các mặt công tác khác:

- Trong năm Công ty đã tiến hành sắp xếp, bổ sung nhân lực phù hợp cho một số vị trí, đảm bảo duy trì bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Công ty có đội ngũ nhân lực tâm huyết, có trình độ chuyên môn, công tác tổ chức, quản lý và điều hành công việc nề nếp, hiệu quả.

- Hoạt động phát triển mẫu đã đạt được những hiệu quả tích cực, đã tổ chức nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm Giày da mới, phát triển các chủng loại giày thể thao đa dạng mẫu mã, chủng loại với chất lượng, giá cả phù hợp với thị hiếu tiêu dùng. Công tác thiết kế, chế mẫu các sản phẩm đã đạt được kết quả trên cả 02 lĩnh vực hàng quốc phòng và hàng kinh tế.

- Công ty áp dụng chuyển đổi số vào quản trị doanh nghiệp để tăng hiệu quả và năng suất công việc, giảm thời gian quản trị với quy trình làm việc tự động thúc đẩy kỹ thuật dựa trên công nghệ và máy móc thiết bị.

- Công tác đầu tư, XD CB tập trung cải tạo cơ sở hạ tầng nhà xưởng của

các xí nghiệp thành viên khang trang, sạch đẹp mở rộng quy mô năng lực và đầu tư bổ sung một số máy móc chuyên dùng hiện đại cho các ngành: ngành may, dệt; ngành giấy; ngành gỗ đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Công tác quản lý tài chính: Chấp hành các quy định, nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng. Hoàn thành báo cáo tài chính và thuê cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán đúng quy định. Quyết toán thuế kịp thời, được đánh giá là đơn vị thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Cân đối thu chi, đảm bảo tốt nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn phát triển vốn và không có nợ đọng kéo dài.

- Công tác Đảng-Công tác Chính trị: Triển khai nghiêm túc kế hoạch công tác Đảng- công tác chính trị theo hướng dẫn của cấp trên. Đã nghiêm túc quán triệt đầy đủ các Nghị quyết, chỉ thị của TƯ, Quân ủy TƯ, Đảng ủy TCHC; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục và quản lý nội bộ, thực hiện tốt các quy chế của đơn vị. Thực hiện tốt các chương trình nội dung CTĐ-CTCT, góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Về chỉ tiêu kế hoạch SXKD

Năm 2026 là năm dự kiến có những diễn biến trái chiều, có triển vọng tăng trưởng kinh tế do chính sách, thể chế của Nhà nước nhưng xung đột vũ trang leo thang, kinh tế thế giới bất ổn. Đây là năm công ty cần có bước đi thận trọng và khéo léo. Trên cơ sở kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, Ban điều hành Công ty xác định cùng đoàn kết, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế năm 2026 mà Hội đồng Quản trị đề ra, với các chỉ tiêu cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng chủ yếu	Tr.đ	785.085	863.675	Tăng 110%
	- Sản phẩm quốc phòng	“	465.773	411.110	
	- Sản phẩm kinh tế	“	319.312	452.565	
2	Doanh thu	Tr.đ	1.076.855	943.000	
	- Doanh thu sản phẩm quốc phòng	“	506.672	330.000	
	- Doanh thu sản phẩm kinh tế, thương mại, dịch vụ, tài chính, khác	“	570.183	613.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	34.123	26.800	
4	Lợi nhuận sau thuế	“	26.937	21.500	
5	Nộp ngân sách nhà nước	“	21.450	21.000	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,9	14,4	

2. Về kế hoạch đầu tư phát triển

- Tiếp tục đầu tư MMTB, công nghệ hiện đại cho các sản phẩm chủ lực và ngành chính, trọng yếu để nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng khả năng sản xuất các sản phẩm mới, có giá trị kinh tế cao, đáp ứng điều kiện xuất khẩu của sản phẩm.

- Đầu tư hệ thống PCCN, xử lý nước thải tại Xí nghiệp 26.1; đầu tư bổ sung lò sấy gỗ tại XN26.4

- Công tác đầu tư MMTB, XDCB chấp hành nghiêm các quy định của Pháp luật, các quy định và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

+ KH đầu tư XDCB: 8.700 triệu đồng

+ KH đầu tư hệ thống PCCN: 5.000 triệu đồng

+ KH đầu tư MMTB sản xuất: 22.008 triệu đồng

+ KH đầu tư phương tiện vận tải: 1.900 triệu đồng

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Một số giải pháp chủ yếu

- Tập trung tổ chức thực hiện tốt công tác kế hoạch, công tác tổ chức sản xuất, công tác tham mưu dự báo, linh hoạt, chủ động trong triển khai nhiệm vụ đáp ứng hoàn thành kế hoạch theo từng tháng, quý, năm.

- Tập trung công tác phát triển thị trường, đi sâu bám sát thị trường nội địa, thúc đẩy nhiều giải pháp để mở rộng thị trường, nhất là công tác tham gia đấu thầu trang bị của các ngành đặc biệt năm nay sát nhập nhiều bộ ngành. Xây dựng và phát triển mạnh mẽ hệ thống bán lẻ toàn quốc và trên các trang thương mại điện tử. Công ty đã và đang xây dựng nguồn lực có đủ trình độ tham gia lĩnh vực thương mại điện tử. Đây là hướng đi đưa sản phẩm công ty đến trực tiếp tay người tiêu dùng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, thương hiệu công ty nhanh chóng.

- Tiếp tục đầu tư bổ sung hoàn thiện chuyên và nâng cấp các hạng mục thiết bị chuyên sâu hiện đại cho các ngành mũi nhọn, trọng yếu là thế mạnh của Công ty như hàng giấy dép các loại, hàng may mặc, sản phẩm chế biến từ gỗ. Quản lý tốt các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm. Tiếp tục đầu tư nâng cao khả năng thiết kế, chế mẫu các sản phẩm nhất là các sản phẩm trọng yếu của Công ty đáp ứng tốt được nhu cầu thị trường kinh tế dân sinh và xuất khẩu.

- Tiếp tục cải tạo nâng cấp hạ tầng đáp ứng được yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Đồng thời đầu tư trang thiết bị máy móc tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng hàng hóa đảm bảo đúng kỹ thuật, mẫu mã đẹp.

- Luôn duy trì tốt công tác tài chính kế toán, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường công

tác kiểm soát chi phí đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh; duy trì tình hình tài chính lành mạnh, không để nợ đọng kéo dài, hàng tồn kho kém phẩm cấp.

- Duy trì việc áp dụng và thực hiện quy chế của Công ty một cách triệt để, tăng tính chủ động cho các XNTV và các bộ phận, cá nhân. Hướng dẫn chỉ đạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực trách nhiệm, phát huy vai trò lãnh đạo của các cá nhân, tập thể gắn với kết quả hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, ổn định từng bước phát triển đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Ban điều hành Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/.

Nơi nhận:

- ĐHĐ Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Đại tá Trịnh Xuân Hiếu





Phụ lục: Kế hoạch đầu tư năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số 01/BC-BĐH ngày 14/5/2026)

Đơn vị tính : triệu đồng

TT	Tên dự án/công trình	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện dự án/công trình	Nhu cầu vốn đầu tư năm 2026			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		
					Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	
	KH đầu tư năm 2026			37.608	37.608		
1	Máy móc, thiết bị sản xuất			22.008	22.008		
	- Máy ép phun nhựa 250T		XN1	750	750		
	- Máy ép nóng tự động		XN1	650	650		
	- Máy nén khí trục vít 75kw		XN1	675	675		
	- Máy ép phun nhựa 120T		XN1	985	985		
	- Máy hàn ép cao su		XN1	693	693		
	- Máy dệt dây lưng		XN1	2.500	2.500		
	- Máy thêu 20 đầu		XN1	3.000	3.000		
	- Máy dệt nhãn mác		XN1	5.000	5.000		
	- Máy bắn tia laze SCM-SP		XN3	1.500	1.500		
	- Máy đùn văm 6 trục		XN3	1.450	1.450		
	- Máy vẽ định vị tự động		XN3	820	820		
	- Máy đùn văm 3 trục		XN3	1.100	1.100		
	- Máy cao tần ghép hàng dài		XN4	1.500	1.500		
	- Dây chuyền finger tự động		XN4	1.385	1.385		
2	XDCB, thiết bị quản lý			13.700	13.700		
	- Hệ thống PCCN		XN1	5.000	5.000		
	- Trạm xử lý nước thải XN1		XN1	2.000	2.000		
	- Nhà cầu 550 m2 (trạm nước cũ)		XN1	1.200	1.200		
	- Lò sấy gỗ (tổng 180 m2)		XN4	2.000	2.000		
	- Nhà kho phụ trợ 350 m2		XN3	1.500	1.500		
	- Thang máy		CTY	2.000	2.000		
3	Phương tiện vận tải			1.900	1.900		
	- Xe tải điện ECVAN (03 xe)		CTY	1.000	1.000		
	- Xe ô tô điện MPV7 (1 xe)		CTY	900	900		

BÁO CÁO

**V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán,
phương án phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2025; kế hoạch phân phối lợi
nhuận năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 26;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần 26 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các vấn đề sau:

I. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán gồm:

- Báo cáo kiểm toán BCTC của Kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và được công bố theo quy định và đăng tải trên Website Công ty. (Có tài liệu kèm theo)

II. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI	GHI CHÚ
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025	34.122.767.629	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.185.897.964	
3	Lợi nhuận sau thuế	26.936.869.665	
	Phương án phân phối lợi nhuận		
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	21.936.869.665	
	- Trích quỹ thưởng BĐH	0	
	- Trích quỹ đầu tư phát triển	0	
	Lợi nhuận chia cổ tức	5.000.000.000	
	Cổ đông Nhà nước	2.550.000.000	
	Cổ đông bên ngoài	2.450.000.000	
	Lợi tức mỗi cổ phần	1.000	

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

1. Thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.
2. Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến: **10%** mệnh giá cổ phần.
3. Trích lập các quỹ sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và chi cổ tức, dự kiến trích cho các quỹ cụ thể:
 - Quỹ đầu tư phát triển.
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi.
 - Quỹ thưởng cho Ban điều hành theo kế hoạch.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua.

Nơi nhận :

- ĐHĐ Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



Trịnh Xuân Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN 26

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

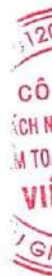


CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Địa chỉ: Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần 26 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Xuân Hiếu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên
Ông Phan Văn Thương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/6/2025)
Ông Trần Thanh Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)
Ông Bùi Văn Phong	Thành viên
Ông Chu Đức Thịnh	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Trịnh Xuân Hiếu	Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Nguyễn Văn Việt	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Phong	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN 26



Trịnh Xuân Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Số : 1203.06 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần 26

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 26 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.7 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Nguyên giá tài sản cố định là nhà xưởng và vật kiến trúc của Công ty đã bao gồm giá trị đầu tư của dự án "Di dời, tái định cư Nhà máy và trụ sở Công ty Cổ phần 26" Công ty đã nhận bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2018. Căn cứ theo Biên bản kiểm toán ngày 05/11/2021 và Thông báo kết quả kiểm toán ngày 17/03/2022 của Kiểm toán nhà nước, Công ty tạm ghi nhận nguyên giá tài sản trên với giá trị 185.568.732.985 đồng theo Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 869/QĐ-HC ngày 13/10/2016 của Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng. Cũng theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, thời gian trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng được xác định chung cho toàn bộ dự án là 25 năm, tuy nhiên, Công ty đã xác định nguyên giá của từng tài sản cố định riêng biệt và trích khấu hao theo chính sách nhất quán với các tài sản tương tự khác của Công ty, phù hợp với khung khấu hao tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, giá trị khấu hao hàng năm của các tài sản nêu trên được Công ty tính toán và hạch toán có sự chênh lệch với giá trị khấu hao tính toán theo khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước. Cụ thể: Giá trị khấu hao tài sản cố định năm 2025 do Công ty xác định là khoảng 8,225 tỷ đồng, số liệu tính toán theo khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước khoảng 7,423 tỷ đồng, chênh lệch 0,802 tỷ đồng, giá trị khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2025 do Công ty xác định khoảng 111,618 tỷ đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 103,393 tỷ đồng), số tính toán theo khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước khoảng 64,907 tỷ đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 57,485 tỷ đồng), chênh lệch khoảng 46,711 tỷ đồng (Chênh lệch tại ngày 31/12/2024 là 45,908 tỷ đồng). Theo biên bản thỏa thuận ký ngày 01/7/2024 và bổ sung ngày 20/9/2024 giữa Công ty Cổ phần 26 và Công ty Cổ phần Him Lam về thống nhất giá trị quyết toán hoàn thành dự án "Di dời tái định cư nhà máy, trụ sở Công ty Cổ phần 26" do Công ty Cổ phần Him Lam bàn giao cho Công ty Cổ phần 26. Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản trên sổ kế toán với giá trị 29.446.943.705 đồng. Nguyên giá của tài sản và chi phí khấu hao có liên quan có thể thay đổi khi được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Vũ Huy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2024-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		477.731.916.291	579.896.879.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	123.757.098.577	175.420.769.406
1. Tiền	111		59.432.857.885	42.819.516.114
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.324.240.692	132.601.253.292
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.012.470.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	16.012.470.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.470.430.586	177.990.714.344
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3.	146.602.983.947	136.192.173.998
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	300.581.726	226.208.892
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	6.566.864.913	41.572.331.454
IV. Hàng tồn kho	140	V.6.	179.093.363.144	209.708.283.889
1. Hàng tồn kho	141		179.093.363.144	209.708.283.889
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.398.553.984	16.777.111.989
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.398.553.984	16.777.111.989
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.421.813.851	142.760.267.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		144.235.662.936	132.329.511.830
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	144.235.662.936	132.329.511.830
- Nguyên giá	222		432.667.975.485	391.883.915.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.432.312.549)	(259.554.403.964)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.186.150.915	10.430.755.285
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	18.186.150.915	10.430.755.285
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		640.153.730.142	722.657.146.743

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		307.933.327.577	384.600.940.809
I. Nợ ngắn hạn	310		307.933.327.577	384.600.940.809
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	138.942.584.316	215.161.608.994
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	67.109.947.429	401.051.196
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	6.861.194.236	10.364.365.466
4. Phải trả người lao động	314		13.765.581.134	14.582.359.136
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	3.468.420	33.021.476
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	5.400.668.676	62.121.116.741
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	21.300.384.631	22.540.382.703
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14.	-	12.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.549.498.735	47.397.035.097
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		332.220.402.565	338.056.205.934
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	332.220.402.565	338.056.205.934
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		109.267.000.000	109.267.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.953.402.565	178.789.205.934
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		146.016.532.900	146.016.532.900
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		26.936.869.665	32.772.673.034
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		640.153.730.142	722.657.146.743

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Dương Thị Tâm

Hoàng Thị Thu Hương

Trịnh Xuân Hiếu



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.073.011.778.159	1.138.125.575.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.073.011.778.159	1.138.125.575.561
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	960.430.667.304	1.019.342.763.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		112.581.110.855	118.782.812.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	3.643.203.351	4.160.121.052
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	721.634.635	811.602.386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		707.736.321	809.493.582
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	27.214.904.635	27.732.019.676
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	54.316.644.849	59.375.243.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		33.971.130.087	35.024.067.658
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	201.989.116	2.235.168.910
12. Chi phí khác	32	VI.6.	50.351.574	48.259.473
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		151.637.542	2.186.909.437
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.122.767.629	37.210.977.095
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	7.185.897.964	4.438.304.061
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.936.869.665	32.772.673.034
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	5.387	1.000

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Dương Thị Tâm

Hoàng Thị Thu Hương

Trịnh Xuân Hiếu

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.122.767.629	37.210.977.095
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33.585.562.498	31.696.631.320
- Các khoản dự phòng	03		-	(6.795.625.800)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(787.215.393)	(1.384.535.080)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.742.527.238)	(2.978.921.014)
- Chi phí lãi vay	06		707.736.321	809.493.582
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.886.323.817	58.558.020.103
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.279.533.279	(12.855.532.278)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		30.614.920.745	(11.380.029.961)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(77.268.013.933)	1.576.450.847
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.755.395.630)	(6.733.551.552)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(737.289.377)	(809.493.582)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.758.052.013)	(8.649.876.693)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		31.290.000	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20.593.919.396)	(7.060.840.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.699.397.492	12.645.145.948
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.542.065.178)	(31.464.381.907)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		190.909.091	379.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.012.470.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.221.278.205	2.786.652.259
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.142.347.882)	(28.298.638.739)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		44.026.793.449	51.434.732.707
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(45.266.791.521)	(57.335.602.707)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.767.937.760)	(3.195.512.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.007.935.832)	(9.096.382.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(52.450.886.222)	(24.749.875.641)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		175.420.769.406	198.786.109.967
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		787.215.393	1.384.535.080
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1.	123.757.098.577	175.420.769.406

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Dương Thị Tâm

Hoàng Thị Thu Hường

Trịnh Xuân Hiếu

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 26 là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty 26, Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3614/QĐ-BQP ngày 16 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007. Công ty có 14 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 05/11/2025 thì vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là X26.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh các mặt hàng dệt may, các sản phẩm từ da, cao su, nhựa, kim khí, đồ gỗ, bao bì và một số sản phẩm đặc thù khác như mũ, nhà bạt, cánh võng, áo phao các loại;
- Xuất nhập khẩu sản phẩm, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty và các sản phẩm do Công ty sản xuất ra;
- Cho thuê văn phòng.

Trụ sở Công ty tại: Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp 26.1	Tổ 23, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Xí nghiệp 26.3	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Xí nghiệp 26.4	Xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Xi nghiệp thương mại dịch vụ	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh số 01	Số 4 Phan Thúc Duyệt, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 782 người (Tại ngày 31/12/2024: 743 người).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, và áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	05
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, được ghi nhận dựa trên lãi suất thực tế của khoản vay nhân với thời gian còn lại từ lúc ngân hàng gửi thông báo lãi vay cuối cùng trong năm đến ngày kết thúc năm tài chính.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ cho thuê và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**16.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh chủ yếu sản phẩm về da, trang phục bộ ngành các loại và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	59.432.857.885	42.819.516.114
Tiền mặt	471.921.755	201.591.388
Tiền gửi ngân hàng	58.960.936.130	42.617.924.726
Các khoản tương đương tiền	64.324.240.692	132.601.253.292
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	64.324.240.692	132.601.253.292
Cộng	123.757.098.577	175.420.769.406

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất đối với khoản tiền gửi USD là 0%/năm và đối với khoản tiền gửi VND là từ 2,1%/năm đến 3,2%/năm.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	16.012.470.000	16.012.470.000	-	-
Cộng	16.012.470.000	16.012.470.000	-	-

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga CN Sở giao dịch, lãi suất đối với khoản tiền gửi USD là 0%/năm và đối với khoản tiền gửi VND là 5,2%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Cục Quân khí - Tổng Cục hậu cần kỹ thuật	7.875.828.200	-	6.817.878	-
Cục Quân Nhu - Tổng cục Hậu cần	65.334.102.294	-	41.560.272.267	-
Vụ Tài vụ quản trị - Tổng cục Thuế	-	-	24.048.780.522	-
Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VII	4.249.800.000	-	-	-
Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao	1.434.580.092	-	18.589.017.575	-
Cục thuế	8.762.482.260	-	-	-
Tổng cục Quản lý thị trường	-	-	2.760.014.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất dịch vụ Á Châu	1.519.042.759	-	3.436.867.800	-
Các đối tượng khác	57.427.148.342	-	45.790.403.956	-
Cộng	146.602.983.947	-	136.192.173.998	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3.

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại- quảng cáo và in Phú Sỹ	75.016.800	-
Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Việt Nam	54.000.000	-
Công ty TNHH Tiến Gỗ Mít	71.073.600	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH Toàn Cầu D&V	53.116.560	-
Công ty TNHH Đầu tư phát triển in Hoàng Đức	-	44.469.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ cơ điện Duy Hiếu	-	26.352.000
Công ty TNHH quản lý và tư vấn T&ACC	-	143.572.000
Các đối tượng khác	47.374.766	11.815.892
Cộng	300.581.726	226.208.892

5. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu khác	397.039.518	-	16.012.820.915	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	393.512.431	-	12.820.915	-
Công ty CP Him Lam	-	-	16.000.000.000	-
Các đối tượng khác	3.527.087	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.169.825.395	-	25.559.510.539	-
Ngân hàng TMCP Quân	64.996.751	-	-	-
Đội - CN Long Biên				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	6.104.828.644	-	25.559.510.539	-
Thương Tín - Chi nhánh Long Biên				
Cộng	6.566.864.913	-	41.572.331.454	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	57.775.931.918	-	96.626.708.254	-
Công cụ, dụng cụ	855.378.655	-	24.603.412	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.057.155.463	-	33.655.739.399	-
Thành phẩm	90.198.837.228	-	75.184.434.636	-
Hàng hóa	3.206.059.880	-	2.404.172.946	-
Hàng gửi bán	-	-	1.812.625.242	-
Cộng	179.093.363.144	-	209.708.283.889	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2025	227.402.368.860	152.671.188.704	9.681.820.002	2.128.538.228	391.883.915.794
Mua trong năm	-	43.982.610.633	1.371.454.545	188.000.000	45.542.065.178
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.080.989.062)	-	-	(4.080.989.062)
Giảm tài sản cố định do phá dỡ	(677.016.425)	-	-	-	(677.016.425)
Số dư ngày 31/12/2025	226.725.352.435	192.572.810.275	11.053.274.547	2.316.538.228	432.667.975.485
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2025	142.192.621.633	107.376.173.269	8.361.587.936	1.624.021.126	259.554.403.964
Khấu hao trong năm	15.572.634.209	17.290.043.573	544.319.859	178.564.857	33.585.562.498
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.080.989.062)	-	-	(4.080.989.062)
Giảm tài sản cố định do phá dỡ	(626.664.851)	-	-	-	(626.664.851)
Số dư ngày 31/12/2025	157.138.590.991	120.585.227.780	8.905.907.795	1.802.585.983	288.432.312.549
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	85.209.747.227	45.295.015.435	1.320.232.066	504.517.102	132.329.511.830
Tại ngày 31/12/2025	69.586.761.444	71.987.582.495	2.147.366.752	513.952.245	144.235.662.936

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 187.594.211.845 VND (Tại 31/12/2024 là: 125.095.534.393 VND).

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Nguyên giá tài sản cố định là nhà xưởng và vật kiến trúc của Công ty đã bao gồm giá trị đầu tư của dự án "Di dời, tái định cư Nhà máy và trụ sở Công ty Cổ phần 26" Công ty đã nhận bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2018. Căn cứ theo Biên bản kiểm toán ngày 05/11/2021 và Thông báo kết quả kiểm toán ngày 17/03/2022 của Kiểm toán nhà nước, Công ty tạm ghi nhận nguyên giá tài sản trên với giá trị 185.568.732.985 đồng theo Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 869/QĐ-HC ngày 13/10/2016 của Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng. Cũng theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, thời gian trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng được xác định chung cho toàn bộ dự án là 25 năm, tuy nhiên, Công ty đã xác định nguyên giá của từng tài sản cố định riêng biệt và trích khấu hao theo chính sách nhất quán với các tài sản tương tự khác của Công ty, phù hợp với khung khấu hao tài sản cố định quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, giá trị khấu hao hàng năm của các tài sản nêu trên được Công ty tính toán và hạch toán có sự chênh lệch với giá trị khấu hao tính toán theo khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước. Cụ thể: Giá trị khấu hao tài sản cố định năm 2025 do Công ty xác định là khoảng 8,225 tỷ đồng, số liệu tính toán theo khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước khoảng 7,423 tỷ đồng, chênh lệch 0,802 tỷ đồng, giá trị khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2025 do Công ty xác định khoảng 111,618 tỷ đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 103,393 tỷ đồng), số tính toán theo khuyến nghị của Kiểm toán nhà nước khoảng 64,907 tỷ đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 57,485 tỷ đồng), chênh lệch khoảng 46,711 tỷ đồng (Chênh lệch tại ngày 31/12/2024 là 45,908 tỷ đồng). Theo biên bản thỏa thuận ký ngày 01/7/2024 và bổ sung ngày 20/9/2024 giữa Công ty Cổ phần 26 và Công ty Cổ phần Him Lam về thống nhất giá trị quyết toán hoàn thành dự án "Di dời tái định cư nhà máy, trụ sở Công ty Cổ phần 26" do Công ty Cổ phần Him Lam bàn giao cho Công ty Cổ phần 26. Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản trên sổ kế toán với giá trị 29.446.943.705 đồng. Nguyên giá của tài sản và chi phí khấu hao có liên quan có thể thay đổi khi được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

8. Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	15.448.887.741	5.599.700.289
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.737.263.174	4.831.054.996
Cộng	18.186.150.915	10.430.755.285

9. Phải trả người bán

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty cổ phần 32	6.488.875.499	6.488.875.499	-	-
Công ty TNHH Phụ liệu may mặc Hà Nội	2.647.535.384	2.647.535.384	4.350.955.330	4.350.955.330
Công ty TNHH Đầu tư sản xuất và thương mại Minh Quang	9.474.184.974	9.474.184.974	3.845.740.000	3.845.740.000
Công ty TNHH May Hoàng Tuyên	2.993.144.400	2.993.144.400	4.936.156.600	4.936.156.600

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Hoàng Phát	-	-	7.412.943.149	7.412.943.149
Công ty TNHH Phong Lan	7.006.014.613	7.006.014.613	11.975.498.683	11.975.498.683
Công ty TNHH Tuấn Phú Sơn	9.981.205.610	9.981.205.610	11.483.853.269	11.483.853.269
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trà Giang	5.419.413.496	5.419.413.496	25.377.959.879	25.377.959.879
Công ty TNHH Đầu tư Fine Chemicals	6.614.146.540	6.614.146.540	7.088.434.000	7.088.434.000
Hợp Tác xã Cường Thịnh	6.911.620.362	6.911.620.362	11.490.892.278	11.490.892.278
Công ty TNHH thương mại thể thao Gốc Việt	-	-	18.411.701.471	18.411.701.471
Công ty TNHH Ngọc Thủy	-	-	10.040.138.700	10.040.138.700
Các đối tượng khác	81.406.443.438	81.406.443.438	98.747.335.635	98.747.335.635
Cộng	138.942.584.316	138.942.584.316	215.161.608.994	215.161.608.994

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

10. Người mua trả tiền trước	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Cục Trang bị và kho vận - Bộ Công An	1.048.464.000	-
Tổng Cục Hậu cần - kỹ thuật - Bộ Quốc phòng	63.560.000.000	-
Nguyễn Thị Hoa	1.062.030.201	-
Công ty TNHH SSR Vina	949.338.150	-
Công ty Cổ phần đầu tư MMH Supply	133.096.608	401.051.196
Các đối tượng khác	357.018.470	-
Cộng	67.109.947.429	401.051.196

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	-	22.647.245	22.647.245	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	424.853.753	424.853.753	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	247.722.577	247.722.577	-
Thuế TNDN	10.264.751.977	7.185.897.964	10.758.052.013	6.692.597.928
Thuế thu nhập cá nhân	99.613.489	878.993.051	810.010.232	168.596.308
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	176.000.000	176.000.000	-
Cộng	10.364.365.466	8.944.114.590	12.447.285.820	6.861.194.236

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	21.300.384.631	21.300.384.631	44.026.793.449	45.266.791.521	22.540.382.703	22.540.382.703
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch (1)	21.300.384.631	21.300.384.631	31.257.800.275	9.957.415.644	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long Biên (2)	-	-	12.768.993.174	35.309.375.877	22.540.382.703	22.540.382.703
Cộng	21.300.384.631	21.300.384.631	44.026.793.449	45.266.791.521	22.540.382.703	22.540.382.703

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2025/000177930/HĐTD ngày 25/6/2025 với hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng, lãi suất từ 2,2% đến 5,5%/năm, thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Mục đích vay để thanh toán công nợ phải trả nhà cung cấp. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2025/000177930/HĐTG/VRB-CTCP26 ngày 30/6/2025 với số tiền 390.000 USD và Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2025/000177930/HĐTG/VRB-CTCP26 ngày 4/12/2025 số tiền 6 tỷ đồng tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch.

(2) Hợp đồng tín dụng số 202025385000/04 ngày 29/8/2022 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long Biên với hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,0%/năm, thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi/Ký quỹ/Thẻ tiền gửi do bên Ngân hàng phát hành. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 202025385000/06 ngày 3/10/2024 về việc bổ sung vốn lưu động, thời hạn 1 năm kể từ ngày ký thỏa thuận. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cầm cố tại sản số 020108346745/HĐCC ngày 03/1/2025 là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 020108346745 ngày 31/12/2024. Khoản vay đã được tất toán trong năm.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Chi phí phải trả	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	3.468.420	33.021.476
Cộng	3.468.420	33.021.476
14. Dự phòng phải trả	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng quỹ tiền lương	-	12.000.000.000
Cộng	-	12.000.000.000
15. Phải trả khác	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	2.661.198.077	1.767.002.465
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.230.970.599	59.845.614.276
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.259.427.386</i>	<i>3.027.365.146</i>
<i>Tổng Cục Hậu cần - kỹ thuật - Bộ Quốc phòng - Tiền ứng trước các hợp đồng quốc phòng</i>	<i>-</i>	<i>55.900.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>971.543.213</i>	<i>918.249.130</i>
Nhật đặt cọc, ký quỹ	508.500.000	508.500.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc	418.500.000	418.500.000
Các đối tượng khác	90.000.000	90.000.000
Cộng	5.400.668.676	62.121.116.741

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

16. Vốn chủ sở hữu**16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	50.000.000.000	109.267.000.000	164.298.924.219	323.565.924.219
Lãi trong năm trước	-	-	32.772.673.034	32.772.673.034
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.911.391.319)	(13.911.391.319)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(371.000.000)	(371.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số dư tại ngày 31/12/2024	50.000.000.000	109.267.000.000	178.789.205.934	338.056.205.934
Lãi trong năm nay	-	-	26.936.869.665	26.936.869.665
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(27.350.673.034)	(27.350.673.034)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành (*)	-	-	(422.000.000)	(422.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	50.000.000.000	109.267.000.000	172.953.402.565	332.220.402.565

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 404/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 của Công ty Cổ phần 26.

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng	25.500.000.000	25.500.000.000
Các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.000.000.000	4.000.000.000

16.4 Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	1.269.162,03	1.278.328,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1.063.786.232.519	1.129.120.091.558
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.225.545.640	9.005.484.003
Cộng	1.073.011.778.159	1.138.125.575.561

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng bán	959.551.642.812	1.021.911.859.390
Giá vốn cung cấp dịch vụ	879.024.492	1.020.047.619
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.589.143.598)
Cộng	960.430.667.304	1.019.342.763.411

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.601.969.721	2.599.830.105
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	254.018.237	175.755.867
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá cuối năm	787.215.393	1.384.535.080
Cộng	3.643.203.351	4.160.121.052

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	707.736.321	809.493.582
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.898.314	2.108.804
Cộng	721.634.635	811.602.386

5. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản thu nhập khác phát sinh trong năm	201.989.116	3.192.369.473
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	127.272.727
Thu từ thanh lý Tài sản cố định	190.909.091	379.090.909
Các khoản thu nhập khác	11.080.025	2.686.005.837
b) Các khoản ghi giảm thu nhập khác	-	(957.200.563)
Giảm thu nhập từ đền bù nhận được	-	(957.200.563)
Cộng	201.989.116	2.235.168.910

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thiệt hại do bão	50.351.574	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của các đơn vị bỏ trốn	-	48.259.473
Cộng	50.351.574	48.259.473

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	27.214.904.635	27.732.019.676
Chi phí nhân viên	5.265.951.795	4.190.247.779
Chi phí vật liệu, bao bì, đồ dùng	13.443.497.773	13.624.324.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.681.580.554	6.428.636.533
Chi phí bằng tiền khác	3.823.874.513	3.488.811.149
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	54.316.644.849	59.375.243.482
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	64.785.314.848	74.211.926.075
Chi phí nhân viên quản lý	20.914.956.491	14.904.716.124
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	510.467.789	546.977.262
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.690.430.362	18.677.852.121
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	8.000.000
Chi phí dự phòng	-	12.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.032.293.278	4.590.574.438
Chi phí bằng tiền khác	19.629.166.928	23.483.806.130
- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.468.669.999)	(14.836.682.593)
Hoàn nhập quỹ tiền lương	(10.468.669.999)	(14.836.682.593)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	571.905.466.456	649.144.139.080
Chi phí nhân công	141.687.474.949	129.823.882.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.585.562.498	31.696.631.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.572.904.055	36.056.027.998
Chi phí khác bằng tiền	28.587.215.101	29.768.122.447
Cộng	810.338.623.059	876.488.803.111

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	34.122.767.629	37.210.977.095
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	145.798.712	3.100.532.140
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	597.319.687	(3.531.796.663)
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	34.865.886.028	36.779.712.572
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.973.177.206	7.355.942.514
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	212.720.758	(2.917.638.453)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.185.897.964	4.438.304.061

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.936.869.665	32.772.673.034
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(27.772.673.034)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(27.772.673.034)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	(27.772.673.034)
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.936.869.665	5.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	5.387	1.000

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2024 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 404/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 của Công ty. Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Do đó lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

(**) Do trên Báo cáo tài chính năm 2024, Công ty chưa ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 404/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính năm 2024 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Cụ thể như sau:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2024		
	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	32.772.673.034	-	32.772.673.034
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(27.772.673.034)	(27.772.673.034)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(27.772.673.034)	(27.772.673.034)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	(27.772.673.034)	(27.772.673.034)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.772.673.034	(27.772.673.034)	5.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000		5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.555		1.000

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	44.026.793.449	51.434.732.707
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	45.266.791.521	57.335.602.707

VIII Những thông tin khác**1. Các cam kết**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng
 Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật
 Cục Vận tải - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật
 Cục Quân khí - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật
 Cục Hậu cần kỹ thuật - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật
 Công ty Cổ phần X20
 Công ty Cổ phần 22
 Công ty Cổ phần 32
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
 Công ty TNHH Một thành viên X20 Nghệ An
 Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên
 Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa
 Ông Trịnh Xuân Hiếu
 Ông Phan Văn Thương

 Ông Trần Thanh Sơn

 Ông Chu Đức Thịnh
 Ông Nguyễn Văn Việt
 Ông Bùi Văn Phong

 Bà Hoàng Thị Thu Hường
 Ông Trần Văn Toàn

 Bà Phạm Thị Cảnh

 Bà Lương Thị Thúy Hồng
 Ông Nguyễn Hữu Đức

Mối quan hệ

Cổ đông sở hữu 51% vốn
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
 Công ty con của Công ty Cổ phần X20
 Công ty con của Công ty Cổ phần X20
 Công ty con của Công ty Cổ phần X20
 Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT
 (Bổ nhiệm từ ngày 27/6/2025)
 Thành viên HĐQT
 (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Thành viên HĐQT
 kiêm Phó Tổng giám đốc
 Kế toán trưởng
 Trưởng Ban kiểm soát
 (Bổ nhiệm từ ngày 27/6/2025)
 Trưởng Ban kiểm soát
 (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)
 Thành viên Ban kiểm soát
 Thành viên Ban kiểm soát

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Bán hàng</i>		
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật	574.909.918.494	613.221.884.507
Cục Vận tải - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật	-	3.785.050.000
Cục Quân khí - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật	16.342.383.200	-
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng	18.682.345.500	-
Cục Hậu cần kỹ thuật - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật	554.406.250	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Cổ phần X20	1.656.216.397	712.011.050
Công ty TNHH Một thành viên X20 Nghệ An	8.785.274	21.302.444
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	12.102.783
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	-	43.480.667
Công ty Cổ phần 32	347.143.463	2.805.309.259
Công ty Cổ phần 22	1.949.440.001	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội	9.083.232.319	3.308.429.570
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	155.648.390	138.838.889

Mua hàng

Công ty Cổ phần 32	6.209.721.853	8.285.723.838
Công ty Cổ phần X20	5.030.659.866	4.960.851.580
Công ty Cổ phần X20 Thái Nguyên	4.880.904.000	5.016.802.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	5.545.610.531	16.008.647.456
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội	6.044.384.070	9.771.753.110
Công ty Cổ phần 22	299.696.254	343.549.052

b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các khoản phải thu của khách hàng		
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật	65.334.102.294	41.560.272.267
Cục Quân khí - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật	7.875.828.200	-
Công ty Cổ phần X20	1.214.324.743	293.153.815
Công ty Cổ phần 32	-	465.853.600
Công ty Cổ phần 22	500.124.179	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	522.170.850
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội	229.870.550	-
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	-	46.959.120
Các khoản phải trả người bán		
Công ty Cổ phần 32	6.488.875.499	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.062.438.373	803.446.936
Người mua trả tiền trước		
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật - Bộ Quốc Phòng	63.560.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Tổng Cục Hậu cần - kỹ thuật - Bộ Quốc phòng - Tiền ứng trước các hợp đồng quốc phòng	-	55.900.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trịnh Xuân Hiếu	Chủ tịch HĐQT	683.362.715	701.022.000
Ông Trần Thanh Sơn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)	77.076.120	493.511.023
Ông Chu Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	538.306.068	514.121.230
Ông Nguyễn Văn Việt	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	626.173.411	632.223.046
Ông Phan Văn Thương	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 27/6/2025)	413.936.237	-
Ông Bùi Văn Phong	Phó Tổng giám đốc	564.513.168	569.432.090
Bà Hoàng Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	491.122.996	492.187.852
Bà Phạm Thị Cảnh	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)	323.138.235	270.923.869
Ông Trần Văn Toàn	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 27/6/2025)	207.737.781	
Bà Lương Thị Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	233.979.094	193.694.223
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên Ban kiểm soát	233.380.473	191.159.900
Cộng		4.392.726.298	4.058.275.233

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần 26 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN 26**Chủ tịch Hội đồng quản trị****Người lập biểu****Kế toán trưởng****Dương Thị Tâm****Hoàng Thị Thu Hương****Trịnh Xuân Hiếu**

Số: 02 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị
và từng thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Năm 2025 là một năm thử thách bản lĩnh của Công ty Cổ phần 26 trước những áp lực thị trường chưa từng có. Tuy nhiên, chính trong khó khăn, giá trị cốt lõi của sự đoàn kết và tư duy đổi mới đã giúp chúng ta đứng vững. HĐQT đã tập trung quyết liệt vào việc tái cấu trúc bộ máy, tối ưu hóa chi phí và tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần 26 xin báo cáo kết quả hoạt động Hội đồng quản trị trong năm 2025 và trọng tâm kế hoạch hoạt động năm 2026 với một số nội dung chính như sau:

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược nhân sự, phát triển thương hiệu một cách cẩn trọng, nghiêm túc và quyết liệt. Tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và quy chế tổ chức tổ chức hoạt động Công ty. HĐQT đã chỉ đạo củng cố và kiện toàn bộ máy lãnh đạo, hệ thống quản trị của Công ty và các xí nghiệp thành viên, sắp xếp nhân sự, đồng thời thu hút bổ sung một số nhân sự chất lượng cao phù hợp giúp tăng cường công tác quản lý và bộ máy tinh gọn hiệu quả, tạo cơ sở nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

HĐQT cũng triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh năm cũng như giao chỉ tiêu cụ thể đến từng Phòng, Ban, Đơn vị thành viên. Trong quá trình thực hiện Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát và hỗ trợ kịp thời ban điều hành trong hoạt động SXKD của Công ty, ban hành kịp thời các chủ trương, đề ra các chính sách nhằm nắm bắt các cơ hội tốt nhất trong hoạt động SXKD của Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 9 cuộc họp, ra 9 Nghị quyết, quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, kịp thời đề ra các chủ trương, giải pháp dài hạn, ngắn hạn cho hoạt động SXKD; đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất ngành trọng yếu nhằm đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật đã được các cấp có thẩm quyền ban hành, đặc biệt cải tạo lại hạ tầng cơ sở vật chất đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

Việc triệu tập và tham gia cuộc họp, cho ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của điều lệ công ty và pháp luật. Trên cơ sở ý kiến đồng ý của các thành viên về những vấn đề được nêu trong cuộc họp, Hội

đồng quản trị đã ban hành các Quyết định làm cơ sở để Ban điều hành và các đơn vị trong Công ty thực hiện.

HĐQT đã theo dõi, bám bắt, chỉ đạo sát sao công tác thanh quyết toán dự án di dời trụ sở, phối hợp và tạo điều kiện cho các đơn vị cơ quan chức năng thực hiện công tác thanh quyết toán được thuận lợi.

Các nội dung chủ yếu được HĐQT thông qua trong năm 2025 gồm:

- Ban hành Chương trình công tác các tháng, quý trong năm 2025
- Trong năm, HĐQT thực hiện triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ hoạch định chủ chương cụ thể, ban hành các chính sách phù hợp với tình hình thực tế hoạt động SXKD của Công ty.
- HĐQT tiếp tục triển khai đánh giá về mô hình tổ chức, biên chế, bổ sung cán bộ, nhân viên có năng lực phù hợp với vị trí công việc, phù hợp thực tiễn đưa bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.
- Phê duyệt kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư; ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc ký các hợp đồng kinh tế và các công việc nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo thực hiện việc cải tạo khuôn viên nhà xưởng, bổ sung thay thế hệ thống máy móc tiên tiến phù hợp với thực tế sản xuất.
- Chỉ đạo thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu và theo quy định pháp luật, hỗ trợ thực hiện quyền của Cổ đông. Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc giám sát, đánh giá hoạt động của Ban điều hành Công ty trong năm 2025.

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty cổ phần 26, Hội đồng quản trị đã giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Điều lệ; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành; các nội quy, quy chế Công ty do HĐQT ban hành.
- Chỉ đạo và giám sát Tổng giám đốc và Ban điều hành thực hiện biện pháp/giải pháp điều hành tất cả các hoạt động SXKD của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, năm; triển khai thực hiện công tác kiểm kê định kỳ, xử lý kết quả sau kiểm kê; lập Báo cáo tài chính.
- Trong năm, Chủ tịch HĐQT và thành viên BDH kiêm nhiệm thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban hàng tháng để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua. Trong quản lý và điều hành SXKD, Ban điều hành đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ và nỗ lực sáng tạo trong công tác lãnh đạo nhằm đạt hiệu quả cao nhất, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các nội quy, quy chế của Công ty.

- Các cán bộ quản lý trong Công ty có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao, quản lý và điều hành công việc đi vào nề nếp, hiệu quả cao.

3. Đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT (đ/c Trịnh Xuân Hiếu) đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Chủ tịch trực tiếp thực hiện đi thực tế cơ sở từ đó xây dựng, điều chỉnh và thực hiện một số chuyên đề lớn mang tính chiến lược cho Công ty.

- Thành viên HĐQT chuyên trách (đ/c Nguyễn Văn Việt, đ/c Bùi Văn Phong) hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Công ty.

- Các thành viên HĐQT khác (đ/c Phan Văn Thương, đ/c Chu Đức Thịnh) đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2026.

4. Kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Các chỉ tiêu SXKD	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng giá trị doanh thu	862.800	1.076.855	125%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	25.880	34.123	132%
3	Nộp ngân sách NN + QP	25.392	21.450	84,5%
4	Thu nhập bình quân	10,7	13	120%
5	Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	100%

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Năm 2026 được dự báo là năm thử thách lớn đối với năng lực quản trị của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Trong khi phụ thuộc ngày càng bị coi là rủi ro, còn tự chủ trở thành năng lực cốt lõi, bài toán đặt ra không chỉ là tăng trưởng, mà là khả năng đứng vững giữa những dòng chảy cạnh tranh chông chéo.

Nhận định trước những khó khăn và xu hướng thị trường Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần 26 đặt mục tiêu định hướng và nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo năm 2026 mang tính khả thi như sau:

1. Những chỉ tiêu chính.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng chủ yếu	Tr.đ	785.085	863.675	Tăng 110%
	- Sản phẩm quốc phòng	"	465.773	411.110	
	- Sản phẩm kinh tế	"	319.312	452.565	
2	Doanh thu	Tr.đ	1.076.855	943.000	
	- Doanh thu sản phẩm quốc phòng	"	506.672	330.000	
	- Doanh thu sản phẩm kinh tế, thương mại, dịch vụ, tài chính, khác	"	570.183	613.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	34.123	26.800	
4	Lợi nhuận sau thuế	"	26.937	21.500	
5	Nộp ngân sách nhà nước	"	21.450	21.000	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,9	14,4	

2. Phương hướng hoạt động năm 2026

Năm 2026 HĐQT Công ty xác định với quyết tâm vượt khó, tập trung mọi năng lực, trí tuệ, phát huy sức mạnh tập thể cùng đoàn kết, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế đề ra.

Tiếp tục nghiên cứu cải tiến và ứng dụng mô hình quản lý, hệ thống quản trị hiện đại phù hợp với sự phát triển của thời đại, chuyển đổi số, đảm bảo hệ thống bộ máy khoa học, tinh gọn và hoạt động hiệu quả.

Chỉ đạo ban điều hành tiếp tục củng cố và kiện toàn hệ thống quản lý, hệ thống tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao mẫu mã và năng lực cạnh tranh. Hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất quốc phòng, phát triển mạnh hàng kinh tế, tham gia sâu thị trường nội địa.

Mở rộng thị trường trong nước, tìm khách hàng mới, tham gia sâu rộng vào công tác đấu thầu để có đủ năng lực tăng trưởng hàng kinh tế. Tiếp tục thúc đẩy quảng bá và bán hàng trên các nền tảng số, chủ động xây dựng kênh bán hàng và đội ngũ bán hàng của riêng doanh nghiệp.

Duy trì tốt công tác tài chính kế toán, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, quản lý chi phí đảm bảo hiệu quả tài sản Công ty. Thực hiện hiệu quả

các chính sách phúc lợi, phát triển ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong Công ty.

Duy trì việc áp dụng và thực hiện quy chế của Công ty một cách triệt để, tăng tính chủ động cho các XNTV và các bộ phận, cá nhân. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ theo chức năng được giao. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sự sáng tạo của cá nhân người lao động kết hợp với tổng thể tập thể toàn Công ty, tạo ra một số bước đi mới trong sản xuất kinh doanh.

Chấp hành đầy đủ công tác Đảng, công tác chính trị; giữ vững đoàn kết thống nhất trong nội bộ lập trường tư tưởng vững vàng theo chỉ đạo cấp trên. Đẩy mạnh các phong trào thi đua xây dựng đơn vị vững mạnh về mọi mặt.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026. Đề nghị quý Cổ đông công ty đóng góp ý kiến đề ban lãnh đạo lấy làm cơ sở triển khai trong thời gian tới nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- ĐHĐ Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Hiếu

BÁO CÁO

Kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17/06/2020, và các văn bản của Pháp luật quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025; Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp Nhà nước.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần 26, kết quả thực hiện SXKD năm 2025, kế hoạch năm 2026.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội cổ đông phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025 và kế hoạch 2026 của người quản lý tại Công ty như sau:

I. Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng người quản lý năm 2025

Thực hiện theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và thông tư số 003/2025/TT-BNV hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước. Hội đồng quản trị đề nghị Hội đồng cổ đông thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người lao động và thành viên hội đồng, kiểm soát viên năm 2025 thông qua cụ thể:

1. Quỹ tiền lương của người lao động: 127.849.000.000 đ
2. Quỹ tiền lương của thành viên hội đồng, kiểm soát viên:
 - Số lượng thành viên: 04 người
 - + Thành viên hội đồng: 03 người
 - + Trưởng ban kiểm soát: 01 người
 - Quỹ tiền lương thực hiện: 1.776.000.000 đ.

II. Kế hoạch quỹ tiền lương, tiền thưởng người quản lý năm 2026 và thù lao của thành viên Ban kiểm soát

Căn cứ theo quy định của pháp luật và kế hoạch sản kinh doanh được trình bày tại đại hội cổ đông thường niên năm 2026. Thực hiện theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần

vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp Nhà nước; Hội đồng Quản trị đề xuất dự toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện phần vốn nhà nước là thành viên hội đồng; trưởng ban kiểm soát; và thù lao của thành viên ban kiểm soát năm 2026 cụ thể:

1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng của người đại diện phần vốn Nhà nước (là thành viên hội đồng) và trưởng ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên: 04 người

+ Người đại diện phần vốn nhà nước là thành viên hội đồng : 03 người

+ Trưởng ban kiểm soát: 01 người

- Dự toán Quỹ tiền lương: 1.867.000.000 đồng.

2. Thù lao thành viên ban kiểm soát:

- Quỹ thù lao thành viên Ban kiểm soát: 72.000.000 đồng.

3. Tiền thưởng của người đại diện phần vốn Nhà nước, Trưởng ban kiểm soát

- Dự toán Quỹ tiền thưởng: 303.000.000 đồng.

(Kế hoạch quỹ tiền lương Công ty có phụ lục chi tiết kèm theo)

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông 2026 thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHD Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Hiếu

TỔNG HỢP BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

Số TT	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm trước							Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026			
		Tổng số lao động kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2025	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng binh quân	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Tổng số lao động kế hoạch	Trong đó		Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu
				Số từ năm trước chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số từ năm trước chuyển sang	Số tuyển dụng mới trong năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Người quản lý, kiểm soát viên, trong đó	7	7	7			7	-	7	7	-	
	Thành viên ban điều hành	3	3	3			3		3	3		
	Thành viên hội đồng chuyên trách	3	3	3		1	3	1	3	3		
	Kiểm soát viên chuyên trách	1	1	1			1		1	1		
	Thành viên hội đồng không chuyên trách	-							-	-		
	Kiểm soát viên không chuyên trách	2	2	2			2		2	2		
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	122	113	113		2	113	3	122	113	9	
3	Lao động trực tiếp SXKD	636	628	585		105	608	154	636	628	50	42
4	Lao động thừa hành phục vụ	26	26	26		-	26	-	26	26	-	
	Tổng cộng	800	783	740	-	108	763	158	800	783	59	42

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Minh Giang

PHÒNG KẾ HOẠCH SXKD

Hà Việt Hùng

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2026



CHỦ TỊCH HĐQT

Trịnh Xuân Hiếu

**TỔNG HỢP BÁO CÁO VỀ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN
NĂM 2025 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Số báo cáo năm 2025	
				Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	6		5
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)		728.116	728.116	1.051.655
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	862.800	862.800	1.076.655
3	Tổng chi phí chưa có lương	Tr.đồng	734.035	734.035	914.040
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	25.460	25.460	34.057
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	16.368	16.368	16.220
6	Năng suất lao động	Tr.đồng	161,765	162	214,249
II	Tiền lương của người lao động và ban điều hành			-	
1	Lao động thực tế sử dụng bình quân, trong đó	Người	796	796	759
	Số thành viên ban điều hành	Người	3	3	3
	Số lao động bình quân	Người	793	793	756
2	Tiền lương bình quân của người lao động và ban điều hành, trong đó	1000đ/tháng	10.598	10.598	14.037
a	Người lao động	1000đ/tháng	10.464	10.464	13.915
b	Ban điều hành, trong đó	1000đ/tháng	138.000	138.000	134.567
	Tổng giám đốc	1000đ/tháng	51.750	51.750	50.306
	Phó tổng giám đốc	1000đ/tháng	46.000	46.000	45.168
	Kế toán trưởng	1000đ/tháng	40.250	40.250	39.094
3	Quỹ tiền lương của người lao động và ban điều hành, trong đó	Tr.đồng	101.232	101.232	127.849
	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách, đoàn thể	Tr.đồng		-	
	Phần tiền lương thực hiện tăng thêm khi lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch (nếu có)	Tr.đồng		-	
	Phần quỹ tiền lương theo sản phẩm, dịch vụ công	Tr.đồng		-	
	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, ngoài giờ	Tr.đồng		-	
III	Tiền lương của người lao động công nghệ cao			-	
	Số lao động công nghệ bình quân	Tr.đồng		-	
	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	1000đ/tháng		-	
	Tiền lương bình quân			-	

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Số báo cáo năm 2025	
				Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	6		5
	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, ngoài giờ			-	
IV	Tiền thưởng	Tr.đồng	13.500	13.500	10.796
1	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	13.500	13.500	10.796
2	Tiền thưởng bình quân của người lao động và ban điều hành (không bao gồm lao động công nghệ cao), trong đó	1000 đ/tháng	1.413	1.413	1.185
	Người lao động, bao gồm cả thành viên ban điều hành thuê theo HĐLĐ	1000 đ/tháng	1.412	1.412	1.190
	Tổng giám đốc	1000 đ/tháng	1.875	1.875	1,875
	Phó tổng giám đốc	1000 đ/tháng	1.875	1.875	1,875
	Kế toán trưởng	1000 đ/tháng	1.875	1.875	1,833
3	Tiền thưởng BQ của lao động công nghệ cao			-	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hà Việt Hùng

Hà nội, ngày 11 tháng 1 năm 2026



Trịnh Xuân Hiếu

**TỔNG HỢP QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO
THỰC HIỆN NĂM 2025 CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Số báo cáo năm 2025	
				Kế hoạch	Thực hiện
A	B	C			
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	50.000	50.000	50.000
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	862.800	862.800	1.076.655
3	Tổng chi phí chưa có lương	Tr.đồng	734.035	734.035	914.040
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	25.460	25.460	34.057
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	16.368	16.368	16.220
6	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn góp CSH	Tr.đồng	51%	51%	68%
II	TIỀN LƯƠNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN CHUYÊN TRÁCH	Tr.đồng	1.230	1.230	1.776
1	Số thành viên hội đồng, KSV làm việc chuyên trách	Người	4	4	4
2	Doanh nghiệp nhóm II, mức 4			-	
3	Mức lương cơ bản, trong đó:			-	
	Chủ tịch HĐQT	Tr.đồng/th	31	31	31
	Thành viên hội đồng	Tr.đồng/th	25	25	25
	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng/th	26	26	26
	Thành viên BKS	Tr.đồng/th	25	25	25
4	Mức tiền lương được hưởng, trong đó			0	
	Chủ tịch HĐQT	Tr.đồng/th	29,7	30	57
	Bình quân của thành viên hội đồng	Tr.đồng/th	23,9	24	35
	Bình quân của kiểm soát viên	Tr.đồng/th	24,9	25	22
III	THÙ LAO CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH	Tr.đồng		48	48
1	Số thành viên hội đồng, KSV không chuyên trách	Người	2	2	2
2	Thù lao BQ thành viên hội đồng	Tr.đồng/th		-	
3	Thù lao BQ kiểm soát viên không chuyên trách	Tr.đồng	2	2	2
IV	TIỀN THƯỞNG			0	
1	Quỹ tiền thưởng của người quản lý, KSV	Tr.đồng	140	140	-
2	Tiền thưởng bình quân của người quản lý, KSV	Tr.đồng/th	23	23	-
	Trong đó				
	Chủ tịch HĐQT	Tr.đồng	40,6	41	-
	Các thành viên hội đồng	Tr.đồng	32,8	33	-
	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng	34,1	34	-
	Các kiểm soát viên	Tr.đồng			

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hà Việt Hùng



**KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG NĂM 2026
CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN LÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
A	B	C	I	2	3
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	50.000	50.000	
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.076.855	943.000	
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	34.123	26.800	
II	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN LÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN CHUYÊN TRÁCH	Tr.đồng		1.760	
1	Số thành viên hội đồng, KSV làm việc chuyên trách	Người		4	
2	Doanh nghiệp nhóm II, mức 3				
3	Mức lương cơ bản, trong đó:				
	Chủ tịch HĐQT	Tr.đồng/th		37	
	Thành viên hội đồng	Tr.đồng/th		30	
	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng/th		31	
4	Mức tiền lương được hưởng, trong đó				
	Chủ tịch HĐQT	Tr.đồng/th		46,5	
	Bình quân của thành viên hội đồng	Tr.đồng/th		37,7	
	Bình quân của trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng/th		24,8	
III	THÙ LAO CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH	Tr.đồng		72	
1	Số thành viên hội đồng, KSV không chuyên trách	Người		2	
2	Thù lao BQ thành viên hội đồng	Tr.đồng/th			
3	Thù lao BQ kiểm soát viên không chuyên trách	Tr.đồng/th		3	
IV	TIỀN THƯỞNG				
1	Số tháng lương dự kiến trích quỹ KTPL	Tháng		1,95	
2	Quỹ tiền thưởng của người quản lý, KSV	Tr.đồng		286	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Minh Giang

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT



Trịnh Xuân Hiếu

BÁO CÁO

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ theo chỉ đạo của Cơ quan chủ quản;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 26;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần 26 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

I. Tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

1. Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán;
2. Có kinh nghiệm, uy tín về chất lượng kiểm toán và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
3. Đáp ứng yêu cầu của Công ty Cổ phần 26 về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
4. Không xung đột các quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện kiểm toán cho Công ty Cổ phần 26;
5. Đã có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lĩnh vực kinh doanh tương tự như Công ty Cổ phần 26.

II. Đề xuất của Hội đồng Quản trị

Trên cơ sở tiêu thức lựa chọn trên, Hội đồng Quản trị đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐ Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN 26
BAN KIỂM SOÁT

Số: 01 /BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần 26.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 26;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP 26 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2025

a) Về số lượng thành viên

Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ (2022-2027) của Công ty được bổ nhiệm gồm có 03 thành viên, 01 trưởng ban và 02 thành viên như sau:

- | | | |
|---------------------------|-----------|--|
| + Ông: Trần Văn Toàn | - Cử nhân | - Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2025) |
| + Bà: Phạm Thị Cảnh | - Cử nhân | - Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 27/06/2025) |
| + Bà: Lương Thị Thúy Hồng | - Cử nhân | - Kiểm soát viên |
| + Ông: Nguyễn Hữu Đức | - Cử nhân | - Kiểm soát viên |

b) Nội dung kết quả hoạt động

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan; Tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính sau:

- Triển khai, thực hiện công tác giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, trong việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT cũng như trong việc thực hiện các Quy chế, quy định nội bộ Công ty.

- BKS đã thực hiện các cuộc họp và làm việc với nội dung:

- + Tổ chức họp định kỳ để đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty; Tham gia góp ý kiến với

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như trong các lĩnh vực hoạt động; Tổ chức các buổi làm việc trực tiếp của các thành viên BKS với các phòng ban có liên quan của Công ty.

+ Tổ chức cuộc họp triển khai phân công nhiệm vụ năm 2025 cho từng thành viên, và thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát năm 2025.

+ Tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty nắm bắt thông tin kịp thời để đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, công tác điều hành của Ban giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua đó đưa ra các ý kiến và kiến nghị đối với các vấn đề về liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và năm 2025. Bầu trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027. Số thành viên BKS tham dự các cuộc họp là 3/3 người.

Năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ ý kiến nghị nào của các cổ đông về kiểm tra, soát xét các mặt hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các đơn vị trực thuộc của Công ty cung cấp tài liệu, hồ sơ, thông tin, để Ban thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Định kỳ, BKS đều có báo cáo, kiến nghị tới HĐQT và Ban điều hành. Những kiến nghị đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ trong việc tổ chức, quản lý, giám sát Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động của Công ty. Các hoạt động quản lý trong năm của HĐQT cụ thể như sau:

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức 9 cuộc họp, ra 9 Nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- HĐQT Công ty đã chỉ đạo, định hướng hoạt động của Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ, lên kế hoạch cho năm 2026 và các nội dung thuộc thẩm quyền.

- HĐQT đã định hướng và chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển, giám sát Ban điều hành thực hiện các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế, quy định

nội bộ của Công ty cũng như đưa ra các giải pháp, biện pháp chỉ đạo để thực hiện nhiệm vụ SXKD, đầu tư năm 2025 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban điều hành

Năm 2025, Công ty vẫn chịu sự ảnh hưởng các cuộc xung đột vũ trang, tác động lớn từ chính sách thuế của Mỹ, từ cạnh tranh thương mại trên thế giới, lạm phát tăng cao, cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đơn vị cùng ngành trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, nhu cầu thị trường mua sắm trong và ngoài nước chưa phục hồi... đã tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty, đặc biệt các đơn hàng xuất khẩu của Công ty. Bên cạnh đó sự thay đổi công nghệ sản xuất diễn ra nhanh chóng và sự dịch chuyển lao động về các vùng nông thôn và sang các ngành khác có điều kiện làm việc và thu nhập tốt hơn gây tình trạng khó khăn cho công tác tuyển dụng lao động mới của Công ty cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Mặc dù có nhiều khó khăn về điều kiện kinh doanh, song với sự đoàn kết, quyết tâm, tập trung và nỗ lực cố gắng từ Lãnh đạo, Chỉ huy Công ty đến người lao động mọi hoạt động kinh doanh của công ty vẫn được duy trì và ổn định. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành các hoạt động, Ban điều hành tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động như sau:

- Về sản xuất kinh doanh:

+ Đối với hoạt động sản xuất hàng quốc phòng: Công ty luôn đặt nhiệm vụ sản xuất các sản phẩm Quốc phòng là nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Ban điều hành thường xuyên phối hợp với các ban ngành kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tập trung sản xuất đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng hàng quân nhu và đảm bảo tốt các kế hoạch đột xuất.

+ Đối với hoạt động xuất khẩu, gia công xuất khẩu:

Năm 2025, hoạt động gia công xuất khẩu của Công ty đặc biệt được chú trọng, đã tìm kiếm được một số khách hàng truyền thống cả ngành may và ngành giấy, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Ngành may đã duy trì may quần XK sang thị trường châu Âu; ngành giấy duy trì gia công may, gò giấy thể thao XK, bước đầu được khách hàng đánh giá tốt về tiến độ và chất lượng sản phẩm. Hiện Công ty đã và đang đàm phán ký kết hợp đồng gia công XK ổn định và lâu dài hơn.

Ban điều hành Công ty đang tiếp tục tìm kiếm thị trường mới trong lĩnh vực sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu bên cạnh việc phát triển các sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa như bàn ghế ngoài trời, thớt gỗ ghép...

+ Đối với hoạt động kinh tế thương mại dịch vụ: Ban điều hành đã xác định tập trung chăm sóc các khách hàng truyền thống và nắm bắt kế hoạch mua sắm, tư vấn sản phẩm cho khách tạo lợi thế cạnh tranh. Trong năm Công ty tiếp tục ký kết được với các đơn vị truyền thống bộ ngành như: Tòa Án, Kiểm sát,

Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải Quan, Tổng cục Thi hành án, các Công ty Điện Lực...

Ban điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp quyết liệt, linh hoạt nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, giá cả phù hợp với thị trường, ra nhiều mẫu sản phẩm giấy da phục vụ dân sinh được khách hàng ưa chuộng và tin dùng. Năm 2025 ngoài mở rộng khai thác thị trường trên cả nước thông qua các kênh phân phối hệ thống các cửa hàng, đại lý bán buôn bán lẻ thì Công ty tiếp tục đẩy mạnh, phát triển thị trường trên các nền tảng thương mại điện tử như: nền tảng tiktok, shopee, facebook, ..., qua đó sản phẩm bán lẻ có sự tăng trưởng vượt trội, tạo ra doanh thu bán hàng nhiều tỷ đồng cho Công ty góp phần đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Trong hoạt động đầu tư và xây dựng cơ bản: Các quy trình mua sắm, xây dựng cơ bản Công ty đều thực hiện nghiêm theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, các quy định và các nguyên tắc đấu thầu, chào hàng cạnh tranh để lựa chọn nhà thầu được Ban Lãnh đạo Công ty quán triệt thực hiện. Các hạng mục đầu tư đều đã được đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả đầu tư, tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của sản xuất kinh doanh.

- Về lĩnh vực tài chính: Ban điều hành đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính định kỳ, năm theo quy định của Pháp luật cũng như việc tuân thủ các quy định về thuế đối với ngân sách. Quyết toán thuế gọn theo năm, quản lý tốt nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cân đối thu chi, đáp ứng được đầy đủ nhu cầu vốn thường xuyên hoặc đột xuất. Công ty có nền tài chính lành mạnh, bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn, không có nợ xấu..., là đơn vị thực hiện toàn diện các mặt công tác để ổn định và phát triển.

- Về công tác quản trị doanh nghiệp:

Trong năm 2025, công ty tiếp tục tập trung sắp xếp mô hình tổ chức tinh gọn, hiệu quả và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý. Công tác thiết kế, chế mẫu và đổi mới công nghệ sản xuất được chú trọng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, thực hiện tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức theo hướng nâng cao năng lực chủ động của các đơn vị hiện có; Cải tiến hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và tiếp tục phát huy sáng kiến, cải tiến hợp lý hoá sản xuất của người lao động, tăng khả năng cạnh tranh.

Công ty triển khai thực hiện và chấp hành nghiêm Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và thực hiện điều chỉnh Điều lệ, các quy chế của doanh nghiệp kịp thời theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp; Thực hiện các nội dung sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo đúng lộ trình và các hướng dẫn của cấp trên.

Thường xuyên quán triệt cho người lao động chấp hành tốt Pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân đội, nội quy, quy chế của Công ty, nhất là quy

định về an toàn trong sản xuất và PCCN, đảm bảo được an toàn trong và ngoài đơn vị.

Chỉ đạo việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, quan tâm đến công tác an toàn và vệ sinh lao động trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn, đảm bảo sức khỏe cho CB – CNV toàn Công ty. Công ty đã duy trì tốt hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CB-CNV toàn công ty và trực sẵn sàng cấp cứu khi tình huống xảy ra trong quá trình lao động sản xuất.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

1. Công tác lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2025 được lập chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính, đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư và các quy định pháp lý có liên quan. Các báo cáo đã được kiểm toán theo đúng quy định pháp luật được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm ghi nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

2. Tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả SXKD năm 2025

2.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31-12-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2025
I	Tài sản ngắn hạn	477.731
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	123.757
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.012
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	153.470
	<i>Tr.đó: Phải thu khách hàng</i>	<i>146.602</i>
4	Hàng tồn kho	179.093
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.398
II	Tài sản dài hạn	162.421
1	Phải thu dài hạn	
2	Tài sản cố định	144.235
3	Bất động sản đầu tư	
4	Tài sản dở dang dài hạn	
5	Đầu tư tài chính dài hạn	
6	Tài sản dài hạn khác	18.186
	Tổng cộng tài sản	640.153
II	Nợ phải trả	307.933
1	Nợ ngắn hạn	307.933

2	Nợ dài hạn	
IV	Vốn chủ sở hữu	332.220
1	Vốn góp của chủ sở hữu	50.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	109.267
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	172.953
	Tổng cộng nguồn vốn	640.153

- Vốn điều lệ thực tế của Công ty hiện nay là **50** tỷ đồng với cơ cấu: Nhà nước chiếm 51% tương đương **25,5** tỷ đồng; còn lại các cổ đông khác chiếm 49% tương đương **24,5** tỷ đồng.

2.2. Kết quả SXKD năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu SXKD	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng giá trị doanh thu	862.800	1.076.856	125%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	25.880	34.123	132%
3	Thu nhập bình quân (1 tr đ/ng/th)	10,7	13,0	120%
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	100%

* Đánh giá chung:

Năm 2025, Công ty vẫn chịu sự ảnh hưởng các cuộc xung đột vũ trang, tác động lớn từ chính sách thuế của Mỹ, từ cạnh tranh thương mại trên thế giới, lạm phát tăng cao, cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đơn vị cùng ngành trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, nhu cầu thị trường mua sắm trong và ngoài nước chưa phục hồi, thay đổi công nghệ và tuyển dụng lao động có trình độ tay nghề vững gặp nhiều khó khăn...đã tác động trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban điều hành Công ty đã tập trung, đoàn kết, quyết tâm lãnh đạo thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2025, kết quả SXKD đã đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm, cụ thể là: Tổng doanh thu đạt 125% KH năm; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 132% KH năm; Thu nhập bình quân/ người/ tháng đạt 104% KH năm; Tỷ lệ cổ tức chi trả cho các cổ đông Công ty đạt 100% KH. Để đạt được kết quả như trên Ban điều hành Công ty đã có rất nhiều nỗ lực trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025.

Qua việc soát xét BCTC và các hoạt động SXKD năm 2025, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

IV. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC.

Các khoản thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần 26 được báo cáo chi tiết theo “Tờ trình quỹ lương và chi phí hoạt động, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát”.

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và pháp luật quy định với kế hoạch hoạt động năm 2025 cụ thể như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của các XNTV và toàn Công ty thông qua các hoạt động trực tiếp của ban kiểm soát.

- Thực hiện giám sát và kiểm tra nội bộ một cách thường xuyên theo chế độ định kỳ và đột xuất.

- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, soát xét báo cáo tài chính năm.

- Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu rủi ro trong việc điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành với cổ đông trên tinh thần hợp tác mang lại hiệu quả cao.

- Ban kiểm soát chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

PHẦN IV: NHỮNG KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để công tác điều hành hoạt động có hiệu quả cao, BKS có một số kiến nghị đối với HĐQT/BĐH như sau:

- Đề nghị Hội đồng Quản trị, Ban điều hành tiếp tục nắm bắt kịp thời những biến động của tình hình kinh tế trong nước cũng như nước ngoài để chủ động đưa ra những giải pháp khắc phục vượt qua khó khăn, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có về cơ sở vật chất để tăng nguồn thu.

- Tiếp tục áp dụng chuyển đổi số vào quản trị doanh nghiệp, kiện toàn hệ thống quản lý, tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn hoạt động để tăng hiệu quả và năng suất công việc, đầu tư đồng bộ công nghệ và thiết bị máy móc, công nghệ kỹ thuật cao, hiện đại, phù hợp với thực tiễn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tiếp tục xây dựng chính sách tuyển dụng có nhiều chế độ ưu đãi đối với lao động mới nhằm khuyến khích, thu hút nhân sự có tay nghề cao, tâm huyết và gắn bó lâu dài với công ty.

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao về các lĩnh vực kỹ thuật, kế hoạch, kinh doanh XNK, thương mại điện tử, logistic, ứng dụng AI vận hành sản xuất đáp ứng cho hoạt động SXKD giai đoạn tới.

- Đẩy mạnh công tác tiếp cận thị trường qua ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội như tiktok, Facebook, shop TMĐT vào việc bán hàng cho người tiêu dùng. Đa dạng hoá thị trường, kết hợp phát triển thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, tập trung vào các sản phẩm thế mạnh của Công ty như hàng giấy dép các loại, hàng may mặc, sản phẩm chế biến gỗ... Qua đó khẳng định thương hiệu, uy tín của công ty trên toàn quốc.

- Tiếp tục mở rộng thị trường trong nước, tìm kiếm khách hàng mới, tham gia đấu thầu các gói thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia mà Công ty có đủ năng lực để tăng trưởng doanh thu hàng kinh tế.

Trên đây là các nội dung báo cáo tình hình kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2025 và kế hoạch công tác kiểm soát năm 2026. Ban kiểm soát xin kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHD Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Trần Văn Toàn



TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN 26

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 244/CTCP-KH

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2026

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CP 26 **GIAI ĐOẠN 2026-2030**

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;
- Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;
- Luật Công nghiệp Quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 38/2024/QH15;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;
- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;
- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;
- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ văn bản số 3845/CTC-QLDN ngày 23/3/2026 của Cục tài chính về việc xây dựng và ban hành chiến lược phát triển của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2026-2030.
- Căn cứ văn bản số 1533/TM-QLXN ngày 25/3/2026 của Bộ Tham mưu-TCHCKT về việc xây dựng và ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty cổ phần 26 nhiệm kỳ 2025-2030;
- Căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025, dự báo tình hình kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030 và định hướng phương án sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo.

II. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Quá trình hình thành

Công ty Cổ phần 26 tiền thân là Công ty 26 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - BQP (nay là Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật), được thành lập ngày 18 tháng 7 năm 1978 tại xã Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội (nay là Phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội), khi đó là Xí nghiệp 26 với nhiệm vụ sản xuất các loại mũ, giấy, dép, đồ gia dụng, cang văng, ba lô, nhà bạt... cung cấp cho các đơn vị quân đội ở phía bắc, trong đó tập trung là sản xuất mũ cứng. Tháng 4/1996, thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy QSTW về sắp xếp lại doanh nghiệp trong Quân đội, Công ty 26 được thành lập trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp 26 chuyên sản xuất các mặt hàng quân trang và Xí nghiệp 804 chuyên sản xuất các sản phẩm doanh cụ.

Năm 2005 trước yêu cầu đổi mới doanh nghiệp chuẩn bị bước vào hội nhập tổ chức thương mại thế giới, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 98/2005/QĐ-Ttg về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước trực thuộc Bộ Quốc phòng, trên cơ sở đó Bộ trưởng BQP đã ban hành quyết định số 1358/QĐ-BQP ngày 01/7/2005 về việc cổ phần hóa công ty 26 thuộc TCHC. Sau gần hai năm thực hiện quá trình chuyển đổi đến ngày 15/5/2007 Công ty 26 chính thức được chuyển thành Công ty cổ phần 26, với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng, trong đó phần vốn nhà nước là 25,5 tỷ đồng chiếm 51% vốn điều lệ (Tương đương với 2.550.000 cổ phần).

Qua gần 48 năm xây dựng và phát triển, Công ty CP 26 đã trải qua 04 thời kỳ: 8 năm vận động trong cơ chế bao cấp; 10 năm trong thời kỳ đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; 10 năm củng cố đầu tư về mọi mặt và phát triển trong cơ chế doanh nghiệp quốc phòng kinh tế và hiện nay bước sang thời kỳ thứ 4 thời kỳ của hình thức sở hữu mới - Công ty cổ phần trong bối cảnh đất nước đã chuyển mình mạnh sang nền kinh tế thị trường và hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Trong mỗi thời kỳ đều có những thuận lợi và những khó khăn riêng tác động tới sự tồn tại và phát triển của công ty.

Từ một xưởng quân dụng chuyên sản xuất mũ cứng với cơ ngơi là nhà cấp 4 tận dụng, quân số chỉ có gần 200 CBCNV, sau gần 48 năm xây dựng và phát triển, đến nay công ty có hơn 800 cán bộ, nhân viên và công nhân lao động với 05 phòng nghiệp vụ, 03 nhà máy sản xuất và 01 Trung tâm kinh doanh; tập trung sản xuất đa dạng nhiều mặt hàng phục vụ quân đội, đời sống dân sinh và xuất khẩu với doanh thu hàng năm đạt từ 850 - 1.000 tỷ đồng.

2. Chức năng, nhiệm vụ

Công ty Cổ phần 26 là doanh nghiệp cổ phần trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật với 51% vốn nhà nước chi phối. Chức năng nhiệm vụ chính là thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó Công ty xác định thực hiện sản xuất hàng quốc phòng luôn là nhiệm vụ chính trị trung tâm phải hoàn thành tốt, phát triển hàng kinh tế là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu luôn phải chú trọng để đưa doanh nghiệp phát triển bền vững mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được cơ quan Bộ Quốc phòng giao theo quy định của pháp luật (Công ty cổ phần 26 được công nhận là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh).

Mục tiêu là hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong chiến lược phát triển chung của công nghiệp hậu cần quốc phòng và đẩy mạnh tham gia sâu phát triển sản xuất hàng kinh tế cả trong nước và xuất khẩu với mục tiêu nâng cao tỷ trọng hàng kinh tế, xuất khẩu giảm dần phục thuộc vào hàng quốc phòng. Đặc biệt trong giai đoạn 2026-2030 Công ty quyết tâm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng doanh thu hàng kinh tế hàng năm từ 02 con số trở lên theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác lập mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân trên 10% cho giai đoạn 2026-2030.

Bên cạnh đó là doanh nghiệp cổ phần, công ty có trách nhiệm huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, đặc biệt là bảo toàn và phát triển vốn trong việc phát triển sản xuất kinh doanh theo các lĩnh vực, các ngành nghề đã đăng ký nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi tức cho các cổ đông; tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3. Ngành nghề kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng dệt may, giấy dếp, chế biến gỗ, các sản phẩm từ da, cao su, nhựa, kim khí, bao bì và một số sản phẩm đặc thù khác như mũ, nhà bạt, cồng, võng, áo phao các loại...

- Xuất nhập khẩu sản phẩm, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty và các sản phẩm do Công ty sản xuất ra;

- Mua bán, cho thuê văn phòng, mặt bằng, nhà xưởng.

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

3.2. Ngành nghề kinh doanh phụ trợ:

- Kinh doanh mua bán hàng ứ đọng, thanh xử lý, các mặt hàng bảo hộ lao động các loại và các dịch vụ đáp ứng sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục.

- Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ cho sản xuất các sản phẩm tiêu dùng và sản phẩm đặc thù khác như mũ, nhà bạt, cồng, võng, áo phao các loại.

- Vận tải hàng hóa, mua bán và cho thuê xe ô tô, xe du lịch.

4. Cơ cấu tổ chức

- Cơ cấu quản lý gồm: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và bộ máy tham mưu giúp việc.

- Đảng uỷ Công ty lãnh đạo trực tiếp, toàn diện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP 26.

Mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban Kiểm soát: 03 thành viên
- Ban Điều hành: 03 thành viên (Chủ tịch HĐQT, Tổng GD, 01 Phó TGD)
- Các phòng chức năng (05 phòng): Phòng Chính trị Hành chính; Phòng Kế hoạch; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kỹ thuật - Công nghệ; Phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu.

- Các đơn vị thành viên: Gồm 03 nhà máy sản xuất, 01 Trung tâm kinh doanh và 01 Chi nhánh phía Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

+ Nhà máy May - Dệt - Nhựa (Xí nghiệp 26.1): Đóng trên địa bàn Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội - Chuyên sản xuất, gia công các mặt hàng may mặc, thêu dệt công nghiệp, hàng nhựa, mũ, áo phao cứu sinh, nhà bạt các loại...

+ Nhà máy Giấy (Xí nghiệp 26.3): Đóng trên địa bàn Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội - Chuyên sản xuất, gia công các mặt hàng giấy da, giấy thể thao, dép da, các sản phẩm chế biến từ da, giấy vải.

+ Nhà máy chế biến gỗ (Xí nghiệp 26.4): Đóng trên địa bàn Phường Thanh Trì, Thành phố Hà Nội - Chuyên sản xuất, gia công chế biến các mặt hàng có nguồn gốc từ gỗ tự nhiên, gỗ rừng trồng, gỗ nhân tạo, bao bì các loại.

+ Trung tâm kinh doanh (Xí nghiệp TMDV): Chuyên kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng do Công ty sản xuất ra.

+ Chi nhánh phía Nam: Đóng trên địa bàn Phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh - chuyên kinh doanh các mặt hàng công ty sản xuất; cho thuê văn phòng; mở cửa hàng bán hàng và giới thiệu sản phẩm.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Tổng quan về kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giai đoạn 2021-2025, Công ty tiếp tục nhận được sự chỉ đạo về mọi mặt của Thủ trưởng Tổng cục, sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của các Cục chuyên ngành và các cơ quan chức năng. Với tỷ trọng doanh thu sản phẩm quốc phòng vẫn giữ được sự ổn định tạo nền tảng vững chắc đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động và giúp Công ty tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ doanh thu kinh tế.

Trong giai đoạn này, Công ty cũng đã trải qua sự thiếu ổn định của nền kinh tế trong nước và thế giới do bị tác động bởi các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng nặng nề đến việc phát triển, mở rộng thị trường hàng xuất khẩu, trong đó có các ngành nghề sản xuất chủ lực của Công ty là giấy dép, ngành gỗ và hàng may mặc.

Sự dịch chuyển lao động về các vùng nông thôn và lao động chuyển sang các ngành nghề khác có điều kiện làm việc tốt hơn đang là một thách thức lớn

trong công tác tuyển dụng lao động. Trong khi đó ngành nghề của Công ty cần nhiều lao động, hiện nay rất khó tuyển dụng được lao động mới và lao động có chuyên môn tay nghề bậc cao.

Hiện nay với việc Công ty quyết tâm tập trung mở rộng thị trường hàng kinh tế, đặc biệt duy trì ổn định các bạn hàng bộ ngành truyền thống, cùng với đẩy mạnh công tác bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử, kết hợp với phát triển nhanh, mạnh mẽ công tác thiết kế được nhiều sản phẩm dân sinh đưa ra thị trường, Công ty đã duy trì được tỷ trọng doanh thu hợp lý giữa sản phẩm quốc phòng và sản phẩm kinh tế (khoảng 50/50) và đang phấn đấu sớm nâng doanh thu hàng kinh tế chiếm 70% trong cơ cấu tổng doanh thu hàng năm.

Trong bối cảnh đất nước ngày càng đổi mới và hội nhập sâu rộng với thế giới, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do với các nước, nước ta đã và đang phải cạnh tranh ngày càng gay gắt trên mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề kinh tế, trong đó có ngành dệt may, da giày, chế biến gỗ.... Cho đến nay, vị thế của các ngành này ngày càng được khẳng định trên thị trường tiêu thụ thế giới. Hiện nay sản phẩm may mặc, giày da, sản phẩm gỗ chế biến có mặt tại nhiều quốc gia trên thế giới với kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng. Tuy nhiên, lợi thế cạnh tranh của các ngành này ngày càng thu hẹp do vậy ảnh hưởng lớn đến việc phát triển mở rộng thị trường đặc biệt là lĩnh vực xuất khẩu nhất là hai ngành dệt may và da giày.

Căn cứ vào đề án chiến lược giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt, Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp từng năm, đã cơ bản đạt và hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên trong giai đoạn này do ảnh hưởng sâu rộng, toàn diện của đại dịch Covid trong các năm 2022, 2023 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp sản xuất do giảm nhu cầu tiêu dùng, thắt chặt kiểm soát đại dịch. Tuy nhiên với sự nỗ lực cố gắng cao, đến năm 2025 Công ty đã đạt được doanh thu 1.076.857 triệu đồng / KH giai đoạn năm 2025 là 850.000 triệu đồng, bằng 126,68% KH.

- Tăng trưởng doanh thu hàng năm đều đạt vượt kế hoạch, trong đó cơ cấu doanh thu hàng kinh tế đã chiếm 50% trong tổng doanh thu, giảm dần sự phụ thuộc vào hàng quốc phòng, các chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách và thu nhập của người lao động đều có sự tăng trưởng. Nhiệm vụ sản xuất hàng quốc phòng luôn được hoàn thành và đảm bảo tốt cả về chất lượng, tiến độ và các nhiệm vụ đột xuất. Đặc biệt ngành chế biến gỗ xuất khẩu sau giai đoạn khủng hoảng do ảnh hưởng của đại dịch Covid đã có bước chuyển mình mạnh mẽ về cơ cấu sản phẩm, tăng trưởng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mới như thốt gỗ ghép, bên cạnh đó dần lấy lại thị trường gỗ ghép truyền thống. Từ đó tạo sự ổn định vững chắc trong phát triển ngành gỗ chế biến của Công ty.

- Công nghệ, thiết bị sản xuất đã được đầu tư đổi mới theo hướng hiện đại hóa ngang bằng với mặt bằng chung của các doanh nghiệp trong nước, đổi mới thay thế được 80% MMTB công nghệ hiện đại; và cập nhật những đổi mới trên thế giới cụ thể: Đã đầu tư hiện đại hóa 03 dây chuyền sản xuất giấy (giấy da, giấy thể thao, giấy ép lưu hóa); riêng sản phẩm mũ cứng đã được đầu tư MMTB,

dây chuyền để từ sản xuất thủ công đến sản xuất trên hệ thống dây chuyền bán tự động, tăng năng suất, cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ; hệ thống MMTB, công nghệ sản xuất, chế biến các sản phẩm gỗ được đầu tư đồng bộ, hiện đại đưa năng suất tăng cao (tăng khoảng 20%), môi trường sản xuất giảm thiểu bụi bẩn để NLĐ yên tâm công tác; Toàn bộ MMTB ngành may cơ bản được đầu tư mới, nhiều thiết bị chuyên dùng tự động, nhà xưởng sắp xếp khoa học, hiện đại.

- Toàn bộ cơ sở hạ tầng, nhà xưởng của 03 nhà máy sản xuất và cơ quan phục vụ được đầu tư sửa chữa đồng bộ, quy hoạch sắp xếp lại mang đến môi trường, điều kiện làm việc cho NLĐ được cải thiện rõ rệt, không còn vị trí sản xuất bụi bẩn, cảnh quan Xanh - Sạch - Đẹp, NLĐ có môi trường trong lành để yên tâm công tác.

- Tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, theo hướng mở rộng, nâng cao năng lực, sự chủ động của các đơn vị hiện có, cải tiến hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và tiếp tục phát huy sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất của người lao động, tăng khả năng cạnh tranh.

- Đã xây dựng được đội ngũ nhân sự trẻ, được đào tạo bài bản, có chất lượng cao, năng động, nhiệt huyết, cán bộ quản lý có kỹ năng về lãnh đạo, quản lý và điều hành công việc có tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm; cán bộ kỹ thuật, có khả năng nghiên cứu, chế mẫu đáp ứng được yêu cầu của thị trường nội địa, xuất khẩu; đội ngũ cán bộ thị trường có kỹ năng phát triển mở rộng thị trường và kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử.

- Quản lý tốt tình hình tài chính, vốn và tài sản doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển. Sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng tinh, gọn, hiệu quả. Triển khai nhiều giải pháp tổ chức sản xuất đã có sự tăng năng suất, chất lượng rõ rệt qua các năm.

- Xây dựng hoàn chỉnh bộ nhận diện thương hiệu Công ty, thương hiệu một số sản phẩm mũi nhọn như sản phẩm giấy, sản phẩm thốt gỗ xuất khẩu đã có những thương hiệu tốt trên thị trường; Thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm được nhiều người tiêu dùng biết đến và tin tưởng, marketing đã đạt được mục tiêu phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử chiến lược đề ra, mở rộng thị trường xuất khẩu các ngành, đặc biệt là ngành giấy.

- Công ty đã cơ bản hoàn thành quy hoạch phát triển ngành nghề sản xuất tại các nhà máy phù hợp với quy hoạch tổng thể chung của Công ty trên cơ sở đầu tư MMTB hiện đại, đầu tư nhà xưởng, nâng cao năng lực sản xuất, hiệu quả trong quản lý điều hành, cụ thể:

- + Tại Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội: Gồm Trụ sở chính Công ty, Trung tâm kinh doanh, Trụ sở Nhà máy Giấy và nhà xưởng sản xuất với ngành nghề sản xuất là giấy da, giấy vải, các sản phẩm chế biến từ da. Công ty xác định đây là ngành mũi nhọn, đã tập trung đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại, đồng bộ với 03 dây chuyền gò sản xuất (chuyên giấy da, chuyên giấy thể thao, chuyên giấy lưu hóa), tập trung phát triển sản phẩm giấy xuất khẩu trực tiếp. Hiện nay các sản phẩm giấy da ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu thị hiếu của người

tiêu dùng nội địa, được khách hàng tin tưởng, sản lượng tiêu thụ theo từng năm tăng lên rõ rệt. Đối với sản phẩm giày xuất khẩu, hiện Công ty đang tiếp xúc với nhiều khách hàng lớn, đã sản xuất xuất khẩu cho các nhãn hàng Superga, Sanuts, Seavees, Minetoka...

+ Tại Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội: Gồm Trụ sở Nhà máy may dệt nhựa và nhà xưởng sản xuất với ngành nghề sản xuất may mặc, mũ, nhựa, thêu dệt... Do hiện nay các sản phẩm quốc phòng chủ yếu được đưa ra đấu thầu, cạnh tranh ngày càng gay gắt và khốc liệt. Công ty xác định đầu tư đồng bộ MMTB, đặc biệt các thiết bị máy chuyên dùng tự động, tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm để có thể thắng thầu các gói thầu trong và ngoài quân đội; Chủ động tìm kiếm các đơn hàng may gia công xuất khẩu đảm bảo việc làm thu nhập cho NLĐ. Chú trọng một số sản phẩm đặc thù riêng của Công ty như sản phẩm mũ cứng, mũ kepi, phù cấp hiệu...

+ Tại Phường Thanh Trì, Thành phố Hà nội: Gồm Trụ sở Nhà máy chế biến gỗ và nhà xưởng sản xuất với ngành nghề sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu. Ngành mộc do nguồn hàng quốc phòng không có, vì vậy để giữ và phát triển ngành hàng, công ty phải tập trung ưu tiên công tác tìm kiếm đơn hàng, các đối tác trong và ngoài nước. Từ đó đã có những hướng phát triển mới, tập trung sản xuất chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu, sau giai đoạn chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid, nhà máy đã bắt đầu bước vào giai đoạn tăng trưởng trong các năm gần đây, quy mô sản xuất được mở rộng mở rộng, MMTB, nhà xưởng được đầu tư, sửa chữa bổ xung để đón đầu các đơn hàng mới trong thời gian tới.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Giai đoạn 2021-2025			So sánh với giai đoạn 2016-2020 về giá trị	Tăng trưởng trung bình/năm
		Kế hoạch	Thực hiện	So sánh thực hiện/kế hoạch (%)		
1	Doanh thu	3.670,5	4.799,93	130,77	3.226,71	9,75%
	- D.thu từ sx hàng QP		2.340,63			
	- Doanh thu từ sx hàng kinh tế, TM, DV, tài chính		2.459,3			
2	L.nhuận trước thuế	92,35	153,57	166,29	130,82	3,48%
3	Lợi nhuận sau thuế	73,88	118,12	159,88	101,04	3,3%
4	Nộp ngân sách	109,28	109,9	100,56	103,99	1,14%
	Nộp ngân sách NN	85	84,52		84	
	Nộp ngân sách QP	24,28	25,38		19,99	
5	Thu nhập BQ NLĐ (tr.đồng/tháng)	11,1	11,267	101,5	8,29	7,18%

Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính trong kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.

3. Kết quả hoạt động đầu tư

Trong giai đoạn 2021-2025, tình hình kinh tế, xã hội có nhiều biến chuyển mạnh mẽ khi cách mạng công nghiệp 4.0 tác động nhanh chóng, mạnh mẽ và toàn diện đến mọi lĩnh vực trong đời sống con người, từ sản xuất, kinh tế đến xã hội toàn cầu, làm thay đổi cách thức sản xuất và vận hành của các ngành công nghiệp. Để bắt kịp với sự tiến bộ này, Công ty cổ phần 26 đã lựa chọn đầu tư MMTB hiện đại, tự động hóa phục vụ cho sản xuất, đồng thời đầu tư trong XDCB, nâng cấp nhà xưởng, đổi mới quản lý hiệu quả trong giai đoạn này.

a) Đầu tư tăng tài sản cố định

- Số lượng MMTB: 197 máy
- Số lượng xe ô tô: 03 xe
- Xây dựng cơ bản (xây dựng, cải tạo): 11 hạng mục
- Tổng mức đầu tư thực hiện giai đoạn 2021-2025: 127,89 tỷ đồng

*** Đánh giá về thực hiện kế hoạch đầu tư**

- Ưu điểm:

Công tác đầu tư XDCB: Các quy trình mua sắm, xây dựng cơ bản Công ty đều thực hiện nghiêm theo quy định của nhà nước và Bộ Quốc phòng, các quy định và các nguyên tắc đấu thầu, chào hàng cạnh tranh để chọn lựa nhà thầu được Ban Lãnh đạo Công ty quán triệt thực hiện, các MMTB được đầu tư đều mang lại hiệu quả thiết thực trong quá trình SXKD. Công tác đầu tư được Ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm và tập trung nghiên cứu đầu tư MMTB chuyên dụng đều mang lại hiệu quả thiết thực trong quá trình SXKD như tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm, mở rộng năng lực sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Các công trình đầu tư đều được đưa vào sử dụng, đảm bảo được hiệu quả đầu tư, cải thiện được điều kiện cho người lao động, mở rộng mặt bằng sản xuất, đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo thực hiện đầy đủ kế hoạch XDCB đã được Thủ trưởng phê duyệt.

Tổng số vốn đầu tư thực hiện đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 127.890 triệu đồng/ KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 100.000 triệu đồng, bằng 127,89% KH.

Công tác đầu tư MMTB: Công ty đã thực hiện đầy đủ kế hoạch đầu tư trong chiến lược giai đoạn 2021-2025, cụ thể đối với ngành giấy đã đầu tư bổ xung, thay thế bằng MMTB mới, hiện đại; đầu tư bổ xung năng lực sản xuất cho chuyên giấy giấy thể thao, giấy dán hấp; đối với ngành may đã đầu tư thay thế toàn bộ hệ thống máy may điện tử, may lập trình tự động, máy cắt da vải tự động...; đầu tư dây chuyền sản xuất mũ cứng thay cho sản xuất thủ công...

Đặc biệt giai đoạn 2021-2025 Công ty đã đầu tư và vận hành thành công thêm 02 ngành mới, đó là ngành dệt logo nhãn mác và ngành thêu công nghiệp, dự kiến hàng năm mang về khoảng 80 tỷ doanh thu.

Hàng năm, theo kế hoạch Công ty tập trung đầu tư bổ sung theo chiều sâu các thiết bị máy chuyên dụng, tăng năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm hạ giá thành sản phẩm tạo ưu thế cạnh tranh đối với các gói thầu trong và ngoài quân đội; Chủ động tìm kiếm các đơn hàng xuất khẩu, đối tác xuất khẩu nhằm phát huy tối đa các dự án đã đầu tư.

- Tồn tại, hạn chế:

Việc đầu tư để mở rộng năng lực sản xuất của Công ty tại các vùng có nguồn lao động tốt còn lúng túng, chưa bám sát quyết liệt tìm cơ chế trong quá trình thực hiện. Hiện đến nay mới thực hiện ở công tác nghiên cứu, báo cáo cơ quan cấp trên.

b) Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

- Công ty cổ phần 26 không có dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

c) Đầu tư ra nước ngoài

- Công ty cổ phần 26 không có dự án đầu tư ra nước ngoài

4. Một số thành tựu nổi bật và những tồn tại, hạn chế

a) Thành tựu

- Công ty cổ phần 26 đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản đặt ra trong giai đoạn 2021-2025, cụ thể :

Chỉ tiêu doanh thu đạt 4.799,93 tỷ đồng/ 3.670,5 tỷ đồng KH giai đoạn 2021-2025, bằng 130,77% KH.

Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 153,57 tỷ đồng/ 92,35 tỷ đồng KH giai đoạn 2021-2025, bằng 166,29% KH.

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 118,12 tỷ đồng/ 73,88 tỷ đồng KH giai đoạn 2021-2025, bằng 159,88% KH.

Chỉ tiêu Thu nhập bình quân 11.267.000 đồng/người/tháng / 11.100.000 đồng/người/tháng KH giai đoạn 2021-2025, bằng 101,5% KH.

- Hoạt động tài chính của Công ty luôn chấp hành các quy định, nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng. Bám sát Nghị định của chính phủ và các thông tư hướng dẫn để thực hiện và vận dụng vào điều kiện cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thường xuyên chủ động tìm các biện pháp khắc phục kịp thời những bất cập trong điều hành và quản lý vốn, vật tư và tài sản. Xây dựng quy chế, ban hành các quy định phù hợp với tình hình thực tế, đưa công tác quản lý đi vào nề nếp. Duy trì chế độ kiểm kê định kỳ, có sự chỉ đạo, đánh giá từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, tài sản.

Tổ chức quản lý tốt chi phí trong toàn Công ty, quản lý giá thành, chủ động trong việc tìm các biện pháp giảm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý vốn, tài sản, kế hoạch thu chi của công ty luôn chấp hành nghiêm chế độ hạch toán kế toán. Vốn và tài sản luôn được bảo toàn và không ngừng gia tăng, luôn đáp ứng nhu cầu thường xuyên cũng như đột xuất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tình hình trích lập và quản lý sử dụng các quỹ tại Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp; Nghị định thông tư hướng dẫn và các văn bản hướng dẫn của Bộ quốc phòng, Tổng cục hậu cần và điều lệ Công ty và được phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cân đối thu chi, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng được đầy đủ nhu cầu vốn thường xuyên cũng như đột xuất. Không có nợ đọng kéo dài. Duy trì chế độ báo cáo, thực hiện trích nộp đầy đủ lên trên theo đúng quy định.

Hoàn thành báo cáo Tổng quyết toán tài chính, phối hợp với cơ quan kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm, hoàn thành các báo cáo quý theo đúng quy định.

- Sản phẩm, thị trường, thị phần giai đoạn 2021-2025

Về sản phẩm:

Công ty tiếp tục duy trì ngành nghề sản xuất và kinh doanh chính đã đăng ký, với các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu gồm:

+ Các sản phẩm về ngành may mặc: May mặc hàng quốc phòng, trang phục các bộ ngành, trang phục bảo hộ lao động, các sản phẩm may xuất khẩu...

+ Các sản phẩm ngành giày dép: Gồm giày da, giày thể thao, giày dán hấp, các sản phẩm từ da; giày vải, dép, các loại...

+ Các sản phẩm về gỗ: Gồm sản phẩm gỗ ghép tấm xuất khẩu, sản phẩm gỗ nội thất chế biến từ gỗ rừng trồng, các sản phẩm gỗ dân dụng có nguồn gốc từ gỗ tự nhiên, gỗ công nghiệp...

+ Các sản phẩm thêu, dệt: dệt logo nhãn mác biểu tượng các loại, sản phẩm dệt dây lưng, dây dệt các loại; các sản phẩm thêu công nghiệp...

+ Các sản phẩm đặc thù như: Nhà bạt, áo phao, cồng, võng, mũ bảo hiểm, mũ cứng, bi đồng nhựa, gối hơi, ghế nhựa, ...

+ Một số dịch vụ như: Cho thuê nhà xưởng, văn phòng; Ủy thác xuất nhập khẩu...

Chất lượng sản phẩm của Công ty nhìn chung là sản phẩm chất lượng cao, tạo được uy tín với các khách hàng. Tuy nhiên sản phẩm của Công ty nhiều chủng loại nhưng thiếu những sản phẩm mang tính đột phá do vậy mới chỉ phục vụ được một nhóm đối tượng khách hàng, hạn chế trong việc mở rộng thị trường. Cụ thể đối với sản phẩm mang tính mũi nhọn, chiến lược là sản phẩm giày

những vẫn còn hạn chế chưa có sản lượng lớn sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm kinh tế còn hạn chế về mẫu mã.

Về thị trường, thị phần:

Trong giai đoạn 2021-2025 nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều sự biến động lớn do tác động của dịch bệnh, tác động của các cuộc xung đột vũ trang và chính sách thuế của các nước lớn, cùng với sự cạnh tranh vô cùng gay gắt cả về chất lượng cũng như giá cả, do đó việc thâm nhập và phát triển thị trường xuất khẩu là rất khó khăn. Nhưng với sự nỗ lực và hướng đi đúng đắn, Công ty đã dần khôi phục lại được thị trường sản phẩm ngành gỗ xuất khẩu, bên cạnh đó từng bước xây dựng năng lực để khẳng định là nhà sản xuất các sản phẩm giấy thể thao để điều kiện tham gia vào chuỗi cung ứng ra toàn cầu. Hiện Công ty đã duy trì được tệp khách hàng và có những đơn hàng đầu tiên xuất khẩu trực tiếp sản phẩm giấy đi châu Âu.

Công ty đã nhanh chóng phát triển các kênh bán hàng trên toàn quốc, bên cạnh hệ thống cửa hàng vật lý, Công ty đã xây dựng được đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp trên các nền tảng thương mại điện tử và đã có những thành công nhất định như Thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm được biết đến rộng rãi hơn rất nhiều so với trước đây, sản lượng hàng hóa tiêu thụ trên nền tảng thương mại điện tử cũng lớn hơn...

Chủng loại sản phẩm đưa ra thị trường mặc dù nhiều hơn so với giai đoạn trước đây nhưng vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng thị trường; các khách hàng lớn vẫn tập trung chủ yếu vào các nhóm khách hàng thuộc khối các ngành như Bộ Công an, Tòa án, Kiểm sát, Tổng cục Hải quan..., trang phục các đơn vị doanh nghiệp lớn như Tập đoàn dầu khí, Vincom, Môi trường, Điện lực, Hàng không..., và các mặt hàng dân quân tự vệ, thị trường BHLĐ,... Chưa có nhiều sản phẩm bán lẻ đột phá trong thị trường dân sinh trừ một số ít sản phẩm như giấy da, giấy vải, bộ mưa các loại, thớt gỗ ghép...

- Đối với thị trường hàng quốc phòng: Ngoài việc cung cấp cho Cục Quân nhu, Công ty còn cung cấp cho nhiều đơn vị trong Bộ quốc phòng như Hải quân, Tổng cục Kỹ thuật, Cục Dân quân tự vệ, BCH quân sự các tỉnh, các đơn vị trong toàn quân....

- Đối với thị trường hàng kinh tế nội địa: Công ty tập trung sản xuất cung cấp trang phục cho các khối các bộ, ngành và doanh nghiệp lớn... Hàng hóa dân sinh Công ty chủ yếu cung cấp cho các khu vực phía Bắc, miền Trung với các mặt hàng chủ yếu giấy da, giấy vải bảo hộ lao động, dép nhựa, mặt hàng may mặc bảo hộ lao động. Công ty xác định thị trường nội địa là một thị trường tiềm năng và phát triển mở rộng hệ thống cửa hàng bán lẻ trong cả nước.

- Đối với thị trường hàng xuất khẩu: Hiện nay Công ty đang triển khai xuất khẩu trực tiếp gỗ chế biến từ nguyên liệu gỗ rừng trồng, sản xuất gia công xuất khẩu sản phẩm giấy và gia công xuất khẩu một số mặt hàng may mặc. Tuy nhiên tỷ trọng hàng xuất khẩu còn nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Công ty vẫn xác định đây là những ngành xuất khẩu chủ lực, sẽ tập trung đẩy

manh xúc tiến mở rộng thị trường để tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

- Về nguồn nhân lực

Tính đến thời điểm 28/2/2026 tổng số cán bộ, nhân viên, người lao động toàn Công ty là 815 người, trong đó Nam 336 người, Nữ 479 người; khối quản lý là 128 người gồm có 04 Sỹ quan; công nhân sản xuất 653 người; 34 người khối phục vụ.

Qua số liệu phản ánh ở trên có thể đánh giá chung đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đều đã được đào tạo cơ bản, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và có tinh thần trách nhiệm cao. Tuy nhiên qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ thì đội ngũ nhân lực của Công ty còn thiếu những cập nhật kỹ năng làm việc chuyên nghiệp. Công ty đã cử nhiều cán bộ đi học các lớp nâng cao kỹ năng quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, bên cạnh đó còn tổ chức nhiều đoàn cán bộ đi tham quan các cơ sở trong và ngoài nước.

Trong các năm 2021-2025, Công ty đã tổ chức thuê giáo viên, chuyên gia về đào tạo cho những lao động ngành nghề chủ chốt như ngành giấy, ngành mộc, đào tạo cho lực lượng lao động kỹ thuật cơ điện đào tạo nghiệp vụ về MMTB điện tử... Tổ chức lớp đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ về công tác quản lý sản xuất đảm bảo hiệu quả và cử công nhân viên theo học các chương trình đào tạo ngắn hạn, dài hạn tại các trường, trung tâm chuyên ngành. Mặt khác Công ty thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động học hỏi để nâng cao tay nghề với phương châm mỗi người giỏi một việc, biết làm nhiều việc...

Công ty luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố đặc biệt quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty, do vậy để phát triển bền vững, mở rộng quy mô, Công ty xác định phải thường xuyên đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý vừa giỏi nghiệp vụ chuyên môn, có kỹ năng quản lý tốt, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm. Đối với lực lượng công nhân Công ty xác định hàng năm sẽ thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, tổ chức các lớp đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động có thâm niên, tâm huyết, xây dựng đội ngũ công nhân có tay nghề cao.

Trong giai đoạn 2021-2025 Công ty đã có nhiều giải pháp đặc thù để thu hút, tuyển dụng được những nhân sự chất lượng cao, do vậy Công ty đã đạt được những kết quả nhất định tuyển dụng được một số nhân sự có trình độ, tay nghề vào làm việc.

- Về tổ chức quản lý, quản trị, cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp

Thực hiện theo định hướng chiến lược phát triển đã được phê duyệt, và có sự điều chỉnh bổ sung cho phù hợp, tập trung công tác thiết kế, chế mẫu, thúc đẩy phát triển thị trường đặc biệt ngành nghề mũi nhọn là ngành giấy, chú trọng công tác đào tạo và thu hút nhân lực, xây dựng thương hiệu.

Không ngừng xây dựng năng lực, phát triển quy mô các ngành trọng yếu gồm ngành da giày, ngành may mặc, ngành chế biến gỗ. Hoàn thiện hệ thống

bán lẻ sản phẩm trên cả nước để làm công cụ quảng bá và phát triển sản phẩm sâu rộng vào thị trường nội địa. Tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cao năng lực các ngành tạo sự chuyển biến đột phá cho các ngành mũi nhọn chủ chốt của Công ty, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường cả trong nước và xuất khẩu.

Công ty luôn có sự đánh giá về mô hình, biên chế, đánh giá cán bộ, nhân viên tinh giản tối đa đảm bảo hiệu quả cao nhất. Công ty có đội ngũ nhân lực tâm huyết, có trình độ chuyên môn, công tác tổ chức, quản lý và điều hành công việc đi vào nề nếp, hiệu quả.

Duy trì việc áp dụng và thực hiện quy chế của Công ty một cách triệt để, tăng tính chủ động cho các XNTV và các bộ phận, cá nhân. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ theo chức năng được giao. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sự sáng tạo của cá nhân người lao động kết hợp với tổng thể tập thể toàn Công ty, tạo ra một số bước đi mới trong sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành tốt các chỉ tiêu các năm đề ra. Ban kiểm soát của công ty dần phát huy được vai trò, trách nhiệm trong việc giám sát các cơ quan quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty tiếp tục rà soát lại Điều lệ, Quy chế hoạt động để có sự điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật, Bộ quốc phòng và phù hợp với thực tế hoạt động tại từng thời điểm.

- Quản lý hành chính, hậu cần, môi trường

Duy trì tốt chế độ hành chính, thời gian làm việc, chế độ ra vào đơn vị, tiếp đón khách, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, trực nghiệp vụ và giữ được nguyên tắc văn thư bảo mật. Duy trì và thực hiện đầy đủ các nội dung góp phần đảm bảo an toàn đơn vị, thực hiện công tác văn thư bảo mật theo đúng nguyên tắc, đúng quy định. Quán triệt chấp hành các quy định về an toàn giao thông, chế độ bảo dưỡng và sửa chữa xe thực hiện giữ tốt, dùng bền.

Tổ chức tốt bếp ăn tập thể, đảm bảo tốt bữa ăn ca cho người lao động đủ chất lượng, định lượng bữa ăn. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp, đảm bảo sức khỏe cho CB-CNV toàn Công ty, do vậy không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Thực hiện tốt công tác phòng dịch như vệ sinh khử khuẩn môi trường, nhà xưởng sản xuất, nhà ăn, nhà bếp. Hàng năm tổ chức khám sức khỏe đầy đủ cho người lao động. Duy trì chế độ khám chữa bệnh hàng ngày và trực sẵn sàng cấp cứu khi có tình huống xảy ra trong quá trình lao động sản xuất.

Công ty luôn chấp hành nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường các quy trình, quy phạm về môi trường, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc cho người lao động. Nhà xưởng, nơi làm việc tại các đơn vị thành viên được cải tạo, nâng cấp cơ bản đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát, gọn gàng duy trì môi trường xanh, sạch, đẹp. Những thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đều được kiểm định theo đúng qui định của pháp luật, các trang thiết bị và phương tiện

PCCC thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, nước dự trữ chữa cháy, bình bọt, bình cứu hoả, xe cứu hoả được trang bị đầy đủ tại các vị trí sản xuất, theo tiêu chí “dễ thấy, dễ lấy”.

Hoạt động quan trắc môi trường được thực hiện đầy đủ hàng năm, các khu xử lý thu gom nước thải được xử lý theo đúng qui trình phân hủy sinh học, đảm bảo nước thải, chất thải khi thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn sạch theo qui định của Nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Công ty còn có những mặt tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới đó là:

- Công tác nghiên cứu phát triển mẫu mã đã được quan tâm, đầu tư, tuy nhiên có thời điểm còn chậm đổi mới với xu hướng và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật được thúc đẩy nhưng chưa có nhiều sáng kiến đột phá nâng cao năng suất lao động.

- Công tác tuyển dụng lao động, đào tạo tuy đã được triển khai quyết liệt nhưng vẫn chưa đạt được chỉ tiêu đặt ra.

- Bên cạnh đó cũng còn tồn tại một số mặt hạn chế như bộ máy tổ chức được tinh giản nhưng thiếu nhân sự chất lượng cao phù hợp dẫn đến việc bố trí có nơi thừa nhưng nhiều vị trí vẫn thiếu.

- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh ở một số xí nghiệp chưa linh hoạt, tính chủ động quyết liệt có nơi còn hạn chế.

* Đánh giá nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

Do sự tác động của thị trường thế giới, ảnh hưởng của các cuộc xung đột vũ trang, dịch bệnh Covid đến hoạt động kinh doanh sản xuất toàn cầu; sự dịch chuyển lao động về mặt địa lý và sự lựa chọn của NLD về ngành nghề dẫn đến việc tuyển dụng khó khăn.

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng khốc liệt.

- Nguyên nhân chủ quan

Bộ máy trong toàn Công ty vẫn có những bộ phận, cá nhân sức ỳ vẫn còn tương đối lớn, một số chương trình triển khai chưa quyết liệt.

Tính chủ động, vai trò trách nhiệm của một số cán bộ, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong việc tham mưu đề xuất còn hạn chế.

5. Đánh giá chung

Trong giai đoạn 2021-2025, Công ty cổ phần 26 đã có những bước tăng trưởng rõ rệt, cùng với đó là sự phát triển ổn định, vững chắc khi Công ty phải đối mặt và chịu tác động tiêu cực từ những khó khăn của đại dịch Covid, thiên tai bão lụt và đặc biệt ảnh hưởng tiêu cực rất lớn từ cạnh tranh thương mại giữa

các nước lớn (chính sách thuế quan của Mỹ) và các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới. Tuy nhiên với sự đoàn kết, sáng tạo, vượt khó, tập thể cán bộ, người lao động Công ty cổ phần 26 đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu đặt ra trong chiến lược phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, Công ty rút ra bài học kinh nghiệm thực hiện cho giai đoạn phát triển tiếp theo như sau:

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức và xây dựng bộ máy với nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn và quản lý mang tính chuyên nghiệp, thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế.

- Xây dựng các chương trình mục tiêu phải cụ thể, hành động và triển khai phải quyết liệt, luôn bám sát mục tiêu đã đề ra, thường xuyên đào tạo rèn luyện cán bộ, nhân viên.

- Luôn duy trì nghiêm kỷ luật, nội quy quy chế, thường xuyên đánh giá bộ máy tổ chức, lấy yếu tố con người là trung tâm. Đồng thời triển khai nhiều giải pháp đổi mới quản lý, đào tạo nhân lực, thu hút lao động nhằm tạo ra thế và lực đưa Công ty phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Đánh giá môi trường hoạt động SXKD

a) Bối cảnh quốc tế và trong nước

Giai đoạn 2026-2030 tiếp tục chứng kiến các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới, nền kinh tế thế giới tiếp tục có những diễn biến khó dự đoán với chính sách kinh tế của các nước lớn, nền kinh tế nhiều quốc gia đang rơi vào suy thoái, khủng hoảng, kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm mạnh, lạm phát tăng cao trong đó có Việt Nam.

Nền kinh tế Việt nam đã hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới nên cũng sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp, sự cạnh tranh gay gắt, công nghệ thay đổi nhanh chóng, lao động khó tuyển dụng do thị trường lao động dịch chuyển về nông thôn...

Sản xuất da giày, may mặc, chế biến gỗ là những ngành sản xuất đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động ở Việt Nam. Các ngành trên đứng trong Top 10 nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của cả nước. Việt Nam là quốc gia xuất khẩu giày dép lớn thứ hai thế giới và thứ ba về năng lực sản xuất, chiếm khoảng 7-10% thị phần toàn cầu; sản phẩm may mặc và dệt may đã vượt tới 180 quốc gia, đóng góp lớn cho tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên Việt nam cần phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ để tăng tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu, giảm các biến động rủi ro khi phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Ngành chế biến gỗ vẫn luôn nằm trong top những nhóm ngành phát triển bền vững. Về sản phẩm, các nhóm sản phẩm gỗ nội thất, gia dụng có thể chiếm đến khoảng 60% trong tổng cầu của tất cả các loại đồ gỗ trên toàn thế giới. Chính vì thế, nhóm sản phẩm này được ngành gỗ xem là sản phẩm chiến lược, là “cứu cánh” cho các doanh nghiệp gỗ trong hoàn cảnh giảm cầu ở các nhóm sản phẩm khác.

Nền kinh tế Việt nam ngày càng lớn mạnh, thu nhập bình quân đầu người vượt 5.000 USD làm tăng sức mua tiêu dùng. Với dân số khoảng 100 triệu người, thị trường trong nước đang thực sự rất hấp dẫn đối với các sản phẩm tiêu dùng Công ty sản xuất.

Môi trường kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam ổn định đảm bảo tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các ngành kinh doanh của công ty vẫn còn nhiều lợi thế nhất định.

- Mặc dù ngành da giày, may mặc, đồ gỗ Việt Nam có những cơ hội lớn kể trên, nhưng bên cạnh đó vẫn phải đối mặt với những thách thức không hề nhỏ.

Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng mở ra cơ hội lớn, nhưng nó cũng đặt ra thách thức lớn khi Việt Nam vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên phụ liệu chiến lược từ Trung Quốc; nguồn nhân lực có tay nghề, trình độ cao có khả năng tiếp nhận những công nghệ mới còn thiếu và yếu; chi phí logistic cao.. Ngay cả các loại máy móc để phục vụ sản xuất trong ngành hiện nay cũng đều phải nhập khẩu. Tất cả những yếu tố này đẩy giá thành sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam lên cao và làm giảm tính cạnh tranh của mặt hàng này trên thị trường thế giới.

Dệt may, da giày luôn là những ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu dẫn đầu cả nước với tốc độ tăng trưởng hằng năm ở mức cao. Thế nhưng, thực tế đáng buồn là đóng góp phần lớn vào kim ngạch xuất khẩu của hai ngành hàng này những năm gần đây lại chủ yếu là các doanh nghiệp FDI nhất là ngành da giày. Doanh nghiệp trong nước có quy mô nhỏ đang có xu hướng bị các doanh nghiệp vốn FDI lấn át.

Việc phụ thuộc quá lớn vào Mỹ, EU khiến các doanh nghiệp dễ bị ảnh hưởng bởi thay đổi chính sách thuế quan nên cần mở rộng thêm các thị trường mới nổi khác như Úc, Nam Mỹ...

Thách thức nội sinh như dịch chuyển lao động về nông thôn, công nghệ thay đổi nhanh chóng, thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt cả trong và ngoài nước, chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí nhân công ngày càng tăng cao...

b) Xu hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty

- Hiện nay, Công ty đã có đầy đủ hệ thống dây chuyền sản xuất các sản phẩm giày da, giày thể thao, giày dán hấp, giày vải, sản phẩm may mặc, sản phẩm chế biến từ gỗ xuất khẩu đồng bộ, hiện đại và khép kín với nhiều loại MMTB chuyên dùng mới. Tuy nhiên quy mô sản lượng sản xuất còn nhỏ do sự hạn chế về nguồn lao động khó tuyển dụng, cụ thể:

- Hệ thống dây chuyền sản xuất sản phẩm may mặc, nhà xưởng đồng bộ, hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất quần, áo xuất khẩu. Tuy nhiên chỉ với số lượng 06 chuyền sản xuất nên vẫn ở quy mô vừa và nhỏ.

- Hệ thống dây chuyền sản xuất giày gồm có 01 chuyền gò giày da, 01 chuyền giày thể thao và 01 chuyền giày dán hấp được đầu tư từ giai đoạn năm

2023 đến nay, đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất các sản phẩm cao cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Dây chuyền sản xuất giày vải được đầu tư từ năm 1999, năm 2013 đầu tư bổ sung thêm một số trạm máy mới.

- Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm từ gỗ được đầu tư bổ sung, thay thế trong giai đoạn 2021-2025 đáp ứng yêu cầu sản xuất sản phẩm ván ghép tiêu chuẩn cao cấp xuất khẩu, đặc biệt với các sản phẩm phụ trợ như sản phẩm nội thất, thớt gỗ ghép mở ra thị trường nội địa và xuất khẩu tiềm năng.

Về sản phẩm, thị trường, thị phần, thương hiệu

- Đối với thị trường hàng quốc phòng: Ngoài việc cung cấp cho Cục Quân nhu, Công ty còn cung cấp cho nhiều đơn vị trong Bộ quốc phòng như Tổng cục Kỹ thuật, Cục Dân quân tự vệ, BCH quân sự các tỉnh, các đơn vị trong toàn quân.... Chủ yếu là các sản phẩm may mặc, giày dép, sản phẩm đặc thù...

- Đối với thị trường hàng kinh tế nội địa: Công ty tiếp tục cung cấp trong toàn quốc với các mặt hàng chủ yếu giày da, giày vải bảo hộ lao động, dép nhựa, mặt hàng may mặc bảo hộ lao động. Đối với các sản phẩm giày, dép, may mặc Công ty xác định thị trường nội địa là một thị trường tiềm năng rất lớn nên Công ty đã xây dựng hệ thống cửa hàng vật lý, đặc biệt giai đoạn vừa qua Công ty đã cơ bản thành công xây dựng hệ thống bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử.

- Đối với thị trường hàng xuất khẩu: Hiện nay Công ty đang triển khai xuất khẩu trực tiếp sản phẩm gỗ chế biến từ nguyên liệu gỗ rừng trồng, và gia công xuất khẩu một số mặt hàng may mặc; đã đang phát triển khách hàng giày xuất khẩu trực tiếp của một dòng sản phẩm đặc thù, năm 2025 đã xuất một số đơn hàng nhỏ để khách hàng đánh giá về chất lượng và thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên tỷ trọng hàng xuất khẩu còn nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong giai đoạn 2026-2030 Công ty xác định xuất khẩu là nhiệm vụ trọng tâm phát triển theo hướng lâu dài, sẽ là các ngành chủ lực mang lại doanh thu tăng trưởng cao, sẽ tập trung đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực, đẩy mạnh xúc tiến mở rộng thị trường để tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

- Về sản phẩm, do Công ty sản xuất đa ngành nên sản phẩm cũng rất đa dạng, Công ty xác định và đang tiếp tục phát triển các mẫu mã sản phẩm cao cấp, chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao với định hướng đa dạng mẫu mã sản phẩm đáp ứng tốt nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Phấn đấu đưa Công ty trở thành thương hiệu mạnh trên thị trường.

2. Mục tiêu định hướng

a) Định hướng chiến lược

Xây dựng chiến lược phát triển là yêu cầu cấp thiết để đề ra phương hướng dài lâu cho các mặt hoạt động của Công ty. Trong đó phải trả lời được một số vấn đề đặt ra đó là hoạch định những gì cần làm, cần giải quyết, điều chỉnh cơ

cầu và trọng tâm của các mặt hoạt động kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Với yêu cầu đó Công ty định hướng chiến lược là:

- Tiếp tục duy trì và phát triển ba ngành trọng yếu gồm ngành may mặc, ngành giấy, ngành chế biến gỗ và lấy ngành giấy là ngành mũi nhọn của Công ty, phấn đấu trở thành một doanh nghiệp có chỗ đứng vững chắc và có thương hiệu mạnh trong ngành giấy dệp nội địa, đồng thời doanh thu xuất khẩu sản phẩm giấy chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu; tiếp tục phát triển ngành chế biến gỗ thành ngành xuất khẩu có thể mạnh, có khả năng cạnh tranh cao, phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất, chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu tại Việt Nam. Định hướng ngành may mặc dần phát triển các sản phẩm kỹ, chất lượng cao và có giá trị gia tăng cao.

- Phấn đấu duy trì mức tăng trưởng hợp lý phù hợp với điều kiện, khả năng của Công ty. Duy trì năng lực cho sản xuất Quốc phòng bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng. Tập trung phát triển mở rộng thị trường, tiếp tục nỗ lực tạo sự phát triển hàng kinh tế chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu mang tính bền vững. Thúc đẩy phát triển thị trường, thị phần nội địa đối với các sản phẩm may mặc, giấy, dệp các loại và các sản phẩm đặc thù, từng bước xây dựng nâng cao năng lực tiến tới xuất khẩu trực tiếp. Đối với ngành gỗ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực, mở rộng quy mô, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu đi các nước.

- Ứng dụng và cập nhật công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với khả năng, áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0 nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng các sản phẩm chủ lực và các lĩnh vực trọng yếu đáp ứng tốt sự thỏa mãn của khách hàng tạo điều kiện cho việc tiếp cận các đơn hàng, các khách hàng lớn. Phục vụ tốt cho nhiệm vụ sản xuất hàng quốc phòng và nhu cầu của thị trường.

- Tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, theo hướng mở rộng, nâng cao năng lực của các đơn vị hiện có, cải tiến hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và khuyến khích cải tiến, sáng kiến của người lao động, tăng khả năng cạnh tranh.

- Nghiên cứu báo cáo dịch chuyển cơ sở sản xuất ra các vùng có điều kiện sản xuất tốt hơn (nguồn lao động, mức thu nhập tiền lương).

b) Mục tiêu tổng quát

Xác định mục tiêu về chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Đến năm 2030, Công ty đặt mục tiêu **“Trở thành một trong những Công ty có vị thế, chỗ đứng vững chắc và thương hiệu mạnh chuyên sản xuất cung cấp cho thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu các sản phẩm giấy dệp, may mặc và sản phẩm chế biến từ gỗ tự nhiên”**.

- Thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đảng, đại hội đồng cổ đông hàng năm; Hoàn thành tốt kế hoạch hàng năm và các nhiệm vụ chính trị được giao; Duy trì đơn vị phát triển ổn định, vững mạnh.

- Tổng doanh thu hàng năm tăng trưởng từ 5-8%, trong đó doanh thu từ sản xuất hàng kinh tế tăng trưởng từ 10% trở lên.

- Lợi nhuận ròng hàng năm đạt từ 2,5% doanh thu trở lên;

- Thu nhập bình quân, nộp ngân sách đều đạt và vượt kế hoạch hàng năm;

- Đầu tư đổi mới nâng cấp thiết bị, công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại hóa ngang bằng với mặt bằng chung của các doanh nghiệp trong nước; và cập nhật những đổi mới trên thế giới; Ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo hiệu quả.

- Bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sản xuất kinh doanh hiệu quả, tối đa hóa công suất các dự án được đầu tư.

3. Các nhiệm vụ chủ yếu

3.1 Công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động là cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất là nhiệm vụ rất quan trọng của mọi doanh nghiệp. Phối hợp mở các lớp tập huấn, đào tạo tại chỗ, mời giảng viên bên ngoài kết hợp với kỹ sư trong doanh nghiệp giảng dạy, cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế.

Thường xuyên đào tạo tại tay nghề cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất nâng cao tay nghề và nhận thức về kỷ luật trong chấp hành các quy trình sản xuất thông qua hình thức đào tạo tại chỗ hoặc tại các trường công nhân kỹ thuật. Ngoài ra, tổ chức định kỳ các đợt thi tay nghề, nâng bậc thợ, các hội thi “*bàn tay vàng*” nhằm gắn trách nhiệm người quản lý với việc giáo dục, huấn luyện cấp dưới.

Thuê các nhà quản lý, các chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia thiết kế mẫu mã mới nhằm giải quyết các khó khăn cho Công ty trong việc thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu kỹ thuật, công nghệ, thị trường, thị hiếu của thị trường nước ngoài hoặc trong điều hành các dự án, các đơn hàng, các lĩnh vực kinh doanh mới tiếp cận.

Xây dựng nhân lực kinh doanh xuất nhập khẩu, nghiên cứu thị trường, marketing, xây dựng hệ thống nguồn hàng ổn định xuất khẩu hàng giấy, hàng may và các chế phẩm từ gỗ. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm ngành da giày; xây dựng chuyên sản xuất hàng may đo, phục vụ cho dòng sản phẩm khó tính có giá trị cao như đồng phục, công sở...

Củng cố nhân lực và lực lượng chuyên môn, các cán bộ kỹ thuật đáp ứng tốt được nhu cầu sản xuất hiện đại, chất lượng cao và bảo đảm cho người tiêu dùng, giúp tạo ra mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững.

- Phát triển hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm

Thành lập bộ phận chuyên trách nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm đưa ra chiến lược sản phẩm hợp lý cho Công ty với các mẫu mã được đa

dạng hóa và chủ động tạo ra các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước theo giới tính, độ tuổi, khu vực địa lý... khác nhau.

Xây dựng kế hoạch tìm hiểu thị trường cũng như nắm bắt thông tin, phản hồi từ khách hàng, từ các hệ thống đại lý để có điều chỉnh kịp thời về chính sách bán hàng, mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường.

- Công tác quản lý, tổ chức sản xuất

Cải tiến và ứng dụng hệ thống quản trị hiện đại và phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sự sáng tạo, tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao

Duy trì, cải tiến việc triển khai sản xuất gọn chuyên, đảm bảo nhà xưởng luôn đáp ứng tiêu chuẩn 5S, đó là: Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng; Chất lượng sản phẩm luôn được giám sát chặt chẽ trên từng ca, từng chuyên sản xuất; Đảm bảo nghiêm ngặt về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm khi bán ra thị trường.

Thực hiện tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức theo hướng mở rộng, nâng cao năng lực sự chủ động của các đơn vị hiện có; Cải tiến hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và tiếp tục phát huy sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất của người lao động, tăng khả năng cạnh tranh.

3.2. Công tác đổi mới phát triển doanh nghiệp và đầu tư

- Đẩy mạnh đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ

Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, cập nhật công nghệ tiên tiến phù hợp với khả năng; áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo để nâng cao năng lực sản xuất chất lượng sản phẩm. Thường xuyên nghiên cứu và cải tiến quy trình sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất ở tất cả các khâu nhằm tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng sản phẩm.

Từng bước hoàn thiện và đầu tư đồng bộ thiết bị công nghệ hiện đại sản xuất các sản phẩm chủ lực và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng yếu để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm phục vụ tốt cho nhiệm vụ sản xuất hàng quốc phòng; tạo ưu thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm hàng dân sinh và tạo điều kiện tiếp cận các đơn hàng và khách hàng lớn trên thị trường.

Nâng cao chất lượng công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị cũng như các tài sản cố định khác nhằm tăng tuổi thọ, độ tin cậy của máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động, hạn chế đến mức thấp nhất những gián đoạn trong quá trình sản xuất làm giảm chất lượng sản phẩm.

- Đầu tư xây dựng cơ bản

Quy hoạch tổng thể và đầu tư xây dựng một số hạng mục tại các XNTV từng bước nâng cấp hạ tầng cơ sở của các Xí nghiệp đáp ứng được yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

Nghiên cứu, báo cáo, xây dựng (trên cơ sở liên kết hoặc thuê mặt bằng) nhà xưởng sản xuất tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi về lao động và chi phí hoạt động hiệu quả hơn.

Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn, lấy từ nguồn quỹ đầu tư phát triển, khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các dự án được đầu tư.

Các hạng mục đầu tư đảm bảo tuân thủ nghiêm theo quy định của nhà nước và Bộ Quốc phòng, các quy định và các nguyên tắc đấu thầu, chào hàng cạnh tranh để chọn lựa nhà thầu và mang lại hiệu quả thiết thực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tích cực thực hiện chuyển đổi số tại doanh nghiệp

Chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử là một trong những chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta nhằm đưa đất nước bứt phá, phát triển ngang tầm khu vực và thế giới. Trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, chuyển đổi số góp phần quan trọng nâng cao sức mạnh chiến đấu, bảo đảm cho Quân đội ứng phó kịp thời với những thách thức mới. Với tính tất yếu của tiến trình chuyển đổi số hiện nay, đòi hỏi toàn quân cần quyết tâm, nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, hoàn thành tốt nhiệm vụ quan trọng này theo tiến trình chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Quân đội hiện đại. Trên tinh thần đó, Công ty cổ phần 26 tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp, nhằm đẩy mạnh công tác chuyển đổi số cụ thể:

* Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt về sự cần thiết, nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của cải cách hành chính, chuyển đổi số, nhất là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số.

* Tích cực tham gia các lớp tập huấn chuyển đổi số và huấn luyện công nghệ thông tin nhằm nâng cao kiến thức và ứng dụng kịp thời về chuyển đổi số, công nghệ số cho lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ.

* Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên kỹ thuật kiêm nhiệm CNTT, chuyển đổi số là hạt nhân để tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy cơ quan, đơn vị trong việc thúc đẩy phát triển chuyển đổi số tại Công ty.

* Chủ động thiết lập mạng thương mại điện tử để quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm trên các Website. Mặt khác, Công ty áp dụng mạnh mẽ mạng lưới Internet thông qua việc cập nhật thường xuyên những thông tin liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, công tác nghiên cứu thị trường, tiếp thị sản phẩm, quy định của nước nhập khẩu hàng hóa của từng doanh nghiệp. Tổ chức tốt hệ thống thông tin nội bộ Công ty, xây dựng các ngân hàng dữ liệu phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh.

3.3. Công tác an toàn bảo hộ lao động - An toàn VSLĐ - PCCC

Thường xuyên quan tâm đến chế độ BHLĐ cho người lao động bằng việc đầu tư trang bị an toàn và BHLĐ như hệ thống chống nóng, hệ thống hút bụi, tăng cường đảm bảo trang bị BHLĐ cá nhân cho người lao động, đặc biệt những bộ phận làm việc trong điều kiện ồn, bụi, nóng như cán cao su, xẻ gỗ, ép mũ cứng.

Tăng cường công tác huấn luyện, tuyên truyền về AT-VSLĐ-PCCN cho công nhân trực tiếp sản xuất nhất là những bộ phận có nhiều nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn như trực tiếp sử dụng máy may, máy chế biến gỗ. Xây dựng các quy định sử dụng máy móc thiết bị đảm bảo đúng quy phạm tạo sự thống nhất trong quá trình thực hiện.

Thực hiện tốt công tác phòng dịch như vệ sinh môi trường, vệ sinh nhà xưởng sản xuất, nhà ăn, nhà bếp luôn sạch đẹp góp phần bảo vệ sức khỏe cho CB, CNV trong đơn vị. Đồng thời tiến hành xây dựng kế hoạch và kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ, hiệu chuẩn các thiết bị đo, đo phòng chống xét nhà xưởng toàn Công ty để thực hiện nghiêm việc phòng hộ đảm bảo an toàn cho người và trang thiết bị trong quá trình sản xuất.

Quán triệt đầy đủ các văn bản, chỉ thị, thông tư, hướng dẫn của Nhà nước cũng như của BQP và TCHC về công tác AT-BHLĐ tới các đơn vị thành viên và người lao động. Xây dựng các văn bản quy định, hướng dẫn của Công ty, tổ chức và triển khai các hoạt động như: Hướng ứng Tháng hành động về AT-VSLĐ, hướng ứng Tháng hành động vì môi trường, tổ chức các buổi học tập, phổ biến quán triệt các nội quy, quy định về AT-VSLĐ.

4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2026-2030	So sánh với giai đoạn 2021-2025
1	Doanh thu thuần	943	1.024,3	1.091,74	1.166	1.247,6	5.472,64	4.799,93
	- D.thu từ sx hàng QP	330	350	350	350	350	1.730	2.340,63
	- D.thu từ sx hàng kinh tế, TM, DV, tài chính, khác	613	674,3	741,74	816	897,6	3.742,64	2.459,3
2	L.nhuận trước thuế	26,8	29,1	31,1	33,2	35,5	155,7	153,57
3	Lợi nhuận sau thuế	21,5	23,3	24,9	26,5	28,4	124,6	118,12
4	Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	13,5%	14,6%	15,6%	16,6%	17,8%	15,62%	14,8%
5	Thu nộp ngân sách	21	21,7	22,6	23,7	25	114	109,9
	Nộp ngân sách NN	11,9	12,6	13,5	14,6	15,9	68,5	84,52
	Nộp ngân sách QP	9,1	9,1	9,1	9,1	9,1	45,5	25,38

5. Kế hoạch đầu tư

Đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại cho các sản phẩm chủ lực và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng yếu để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm phục vụ tốt cho nhiệm vụ sản xuất hàng quốc phòng và đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường, nâng cao sự thỏa mãn khách hàng tạo điều kiện cho việc tiếp cận các đơn hàng, các khách hàng lớn và nhu cầu của thị trường. Việc đầu tư cho sản phẩm chủ lực được xác định như sau:

- Khu vực sản xuất giày các loại: giai đoạn 2026-2030, đầu tư bổ sung, thay thế các MMTB mới, có công nghệ tiên tiến để nâng cấp, đồng bộ hóa cho dây chuyền giày da hiện tại, công suất dự kiến: 600.000 đôi/năm. Đổi mới hệ thống MMTB giày ép đúc; Xây dựng bổ sung 01 nhà kho thành phẩm, hàng hóa.

- Khu vực sản xuất các mặt hàng may mặc: đầu tư bổ sung, thay thế các máy chuyên dùng thế hệ mới để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; xem xét đầu tư bổ sung 02 dây chuyền may.

- Khu vực sản xuất chế biến gỗ: đầu tư bổ sung, thay thế MMTB mới; đầu tư bổ sung hệ thống dây chuyền sản xuất hàng nội thất; đầu tư nâng cấp hệ thống MMTB gỗ ghép thay thế các MMTB cũ, chất lượng xuống cấp.

- Khu vực sản xuất sản phẩm đặc thù: đầu tư nâng cấp hệ thống sản xuất mũ cứng; Đầu tư hệ thống MMTB nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm nhựa...

- Đầu tư nhà kho 2 tầng tại khu sản xuất Phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội; Đầu tư nhà xưởng, MMTB khi mở thêm cơ sở sản xuất tại các vùng có điều kiện sản xuất tốt hơn về lao động, tiền lương.

- Đầu tư 03 xe ô tô tải điện và 01 ô tô điện phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2026.

- Đầu tư chuyển đổi số, áp dụng các phần mềm vào công tác quản lý.

- Đầu tư đẩy mạnh quảng bá thương hiệu Công ty, quảng bá thương hiệu sản phẩm.

- Đầu tư xây dựng nền tảng bán hàng trên hệ thống thương mại điện tử phù hợp với tình hình từng giai đoạn, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

Nguồn vốn dự kiến để thực hiện đề án chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030 được hình thành từ nguồn quỹ đầu tư phát triển, quỹ khấu hao hàng năm của Công ty.

Dự kiến nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Nguồn vốn	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
	Tổng số	37.608	30.000	65.000	40.000	40.000	222.608
1	Vốn ngân sách						

TT	Nguồn vốn	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng
2	Vốn tự có	37.608	30.000	30.000	30.000	30.000	212.608
3	Vốn huy động						
4	Vốn vay						

6. Kế hoạch cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác: không có

7. Giải pháp thực hiện

- Tiến hành sắp xếp, tổ chức sản xuất một cách khoa học, linh hoạt lấy năng suất, chất lượng sản phẩm làm trọng tâm, ứng dụng các phương pháp quản lý sản xuất hiện đại như Lean, Kaizen, 5S,... Thúc đẩy hoạt động sản xuất thường xuyên được cải tiến và hiệu quả.

- Đầu tư nhân lực nắm bắt nhu cầu, cơ hội của thị trường. Xây dựng và triển khai chiến lược Marketing và chiến lược phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu của Công ty đồng bộ. Tiếp tục phát triển hệ thống bán lẻ trong toàn quốc và hệ thống bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử chuyên nghiệp, có chiều sâu, tuân thủ pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm có thể mạnh của Công ty ra thị trường trong cả nước.

- Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, cập nhật công nghệ tiên tiến phù hợp với khả năng, áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0 nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng các sản phẩm, cải tiến các quy trình sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất ở tất cả các cấp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

- Phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sự sáng tạo, triển khai nhiều giải pháp thu hút tuyển dụng lao động, đào tạo và đào tạo nâng cao trình độ, năng lực từ cán bộ quản lý đến lực lượng lao động trong toàn Công ty nhằm đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Xây dựng được đội ngũ cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, có tính sáng tạo.

- Củng cố, nâng cấp, mở rộng trung tâm mẫu để nâng cao năng lực nghiên cứu, chế thử, phát triển mẫu nhằm tới nhiều đối tượng sử dụng để mở rộng thị phần, nâng cao khả năng tiêu thụ, phát triển đơn hàng cả trong nước và xuất khẩu.

- Hàng năm tổ chức đánh giá về mô hình, biên chế, đánh giá năng lực, trình độ cán bộ, nhân viên, sắp xếp lại tổ chức, vị trí công việc, chỉnh sửa các quy chế mang tính khoa học, tinh giản tối đa đưa bộ máy hoạt động hiệu quả hơn. Xây dựng đội ngũ nhân lực tâm huyết, có trình độ chuyên môn, công tác tổ chức, quản lý và điều hành công việc nề nếp, hiệu quả.

- Xây dựng các đơn vị thành viên theo hướng tự chủ cao, phát huy khả năng lợi thế của mỗi đơn vị để có thể chủ động, phát triển mở rộng quy mô và giữ vững thị trường. Áp dụng mô hình, tổ chức biên chế quản lý theo hướng tinh

gọn, hiệu quả. Cải tiến công tác chỉ đạo điều hành dựa trên cơ sở tầm nhìn, mục tiêu chiến lược và kế hoạch tổng thể được duyệt, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi, thông suốt.

- Quản lý tốt tình hình tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường các giải pháp quản lý và kiểm soát chi phí đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh; duy trì tình hình tài chính lành mạnh, không để nợ đọng kéo dài, hàng tồn kho kém phẩm cấp.

8. Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

- Giao cho Phòng Kế hoạch tham mưu, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm đã được cơ quan cấp trên phê duyệt, đặc biệt các vấn đề liên quan đến chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu hàng kinh tế từ 10% trở lên; Báo cáo đề xuất phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, Báo cáo phương án mở rộng sản xuất; Công tác tuyển dụng và đào tạo lao động đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng quy mô tăng trưởng sản xuất.

Kiểm soát, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất của các nhà máy và trung tâm kinh doanh; Phối hợp với Phòng TCKT kiểm soát chi phí trong hoạt động SXKD, kiểm soát hiệu quả của công tác đầu tư MMTB, XDCB...

- Tiếp tục tham mưu hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, kiện toàn nhân sự ở các chức danh theo biên chế và triển khai công tác đào tạo theo kế hoạch, tăng cường các giải pháp tuyển dụng nhân sự và người lao động.

- Giao Phòng KD-XNK về công tác phát triển thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại. Trong giai đoạn 2026-2028 tập trung duy trì khách hàng giấy đã có, tìm kiếm khách hàng mới để xuất khẩu sản phẩm giấy, giai đoạn 2029-2030 mở rộng tệp khách hàng xuất khẩu sang các sản phẩm khác Công ty sản xuất.

Tham mưu, báo cáo xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm các thị trường mới. Xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm mở rộng thị trường, tăng doanh thu từ hoạt động xuất khẩu.

Nghiên cứu, báo cáo thông tin, khả năng nhu cầu thị trường, phân tích dự báo thị trường quốc tế, tham mưu cho Ban điều hành trong việc ký kết các hợp đồng xuất nhập khẩu; Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, triển lãm, tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế.

Tăng cường công tác quảng bá, nâng cao hình ảnh uy tín, thương hiệu của Công ty cổ phần 26 ra thị trường trong và ngoài nước.

- Giao Phòng KTCN nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật, công nghệ sản xuất, MMTB mới vào sản xuất. Nghiên cứu mẫu, chế thử sản phẩm mới, quản lý Máy móc thiết bị (MMTB), bồi dưỡng và đào tạo công nhân kỹ thuật trong toàn Công ty; Tổng hợp sáng kiến cải tiến áp dụng khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất trong toàn Công ty, tham mưu các biện pháp có tính chất kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

Tham mưu, báo cáo công tác đầu tư MMTB, báo cáo hiệu quả sử dụng và đầu tư các thiết bị mới, thiết bị chuyên dùng vào sản xuất; Đề xuất đầu tư nhân lực, công nghệ, thiết bị để thực hiện thành công chuyển đổi số trong hoạt động SXKD của Công ty.

Tham mưu báo cáo áp dụng công nghệ thông tin để nâng cấp hệ thống quản lý điều hành từ Công ty đến các xí nghiệp thành viên.

Phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá, báo cáo hiệu quả công tác đầu tư MMTB trong sản xuất.

Giám sát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất; Báo cáo đề xuất phương án kiểm soát hiệu quả.

- Phòng TCKT chủ động nghiên cứu, báo cáo kịp thời những bất cập trong điều hành và quản lý vốn, vật tư và tài sản, đưa công tác quản lý đi vào nền nếp, nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, tài sản.

Tổ chức quản lý tốt chi phí trong toàn Công ty, quản lý giá thành, chủ động trong việc tìm các biện pháp giảm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý vốn, tài sản, kế hoạch thu chi của công ty luôn chấp hành nghiêm chế độ hạch toán kế toán. Vốn và tài sản luôn được bảo toàn và không ngừng gia tăng, luôn đáp ứng nhu cầu thường xuyên cũng như đột xuất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tình hình trích lập và quản lý sử dụng các quỹ tại Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp; Nghị định thông tư hướng dẫn và các văn bản hướng dẫn của Bộ quốc phòng, Tổng cục hậu cần và điều lệ Công ty và được phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cân đối thu chi, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng được đầy đủ nhu cầu vốn thường xuyên cũng như đột xuất. Không có nợ đọng kéo dài. Duy trì chế độ báo cáo, thực hiện trích nộp đầy đủ lên trên theo đúng quy định.

Hoàn thành báo cáo Tổng quyết toán tài chính, phối hợp với cơ quan kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm, hoàn thành các báo cáo quý theo đúng quy định.

- Phòng CTHC thực hiện các mặt công tác quản lý hành chính hậu cần, theo dõi các chế độ chính sách liên quan đến người lao động trong toàn Công ty; Giám sát công tác AT BHLĐ PCCN, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, duy trì môi trường làm việc “Xanh-Sạch-Đẹp”.

Tham mưu, báo cáo công tác sửa chữa, đầu tư XD CB hiệu quả, tiết kiệm. Tổ chức thực hiện đúng quy trình, quy định của Bộ Quốc phòng và pháp luật Nhà nước.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại các quy chế, quy định về quản lý sau khi đề án về chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 được thông qua.

- Trên cơ sở mục tiêu, chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, các đơn vị thành viên sẽ xây dựng bổ sung và hoàn thiện chiến lược ngành với những định hướng lộ trình cụ thể của từng đơn vị thành viên trong Công ty. Đồng thời Công ty sẽ triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ chiến lược theo sự thay đổi của môi trường kinh doanh; rà soát, kiện toàn lại các quy chế, quy định về quản lý cho phù hợp với chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, đảm bảo tuân thủ Pháp luật và thực tế hoạt động SXKD của đơn vị.

Với những kết quả đã đạt được trong những năm qua, với tinh thần “Đoàn kết - Sáng tạo - Vượt khó”, toàn thể cán bộ NLĐ Công ty không ngừng phấn đấu, nỗ lực, tập trung mọi năng lực và trí tuệ, phát huy sức mạnh tập thể vươn lên trong những điều kiện khó khăn và thách thức, thực hiện thành công chiến lược này, đưa Công ty cổ phần 26 phát triển lên tầm cao mới, bền vững.

Trên đây là Chiến lược phát triển của Công ty cổ phần 26 giai đoạn 2026-2030. Kính mong nhận được ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, sự đóng góp của cơ quan chức năng./.

Nơi nhận:

- Thủ trưởng TCHCKT;
- Bộ Tham mưu/TCHCKT;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Đại tá
TRỊNH XUÂN HIẾU

(Kèm theo Chiến lược phát triển Công ty số 244/CTCP-KH ngày 14/2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

TT	Tên dự án/công trình	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện dự án/công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HTT	Lĩnh vực đầu tư (V/SIC 2018)	Quyết định đầu tư										Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (hoặc q/đinh phê duyệt quyết toán)						Lấy kế vốn đầu tư đến 31/12/2020	Số vốn đầu tư thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2025	Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030				Ghi chú		
							Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tổng số vốn chủ sở hữu	Trong đó	Tổng số vốn vay	Tổng số vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Tổng số			Trong đó						
									Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay									Vốn chủ sở hữu	Vốn vay					
																											Vốn chủ sở hữu	Vốn vay		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10-11+1	11	12	13	14	15-16+1	16	17	18-19+2	19	20	21-22+23	22	23	24-25+26	25	26	27					
	- Máy dệt dây lưng		XN1																						2.500	2.500					
	- Máy khâu 20 đầu		XN1																						3.000	3.000					
	- Máy dệt nhân móc		XN1																						5.000	5.000					
	- Máy bần tia laser SCM-SP		XN3																						1.500	1.500					
	- Máy dũa vạm 6 trục		XN3																						1.450	1.450					
	- Máy vẽ định vị tự động		XN3																						820	820					
	- Máy dũa vạm 3 trục		XN3																						1.100	1.100					
	- Máy cao tần ghép hàng dài		XN4																						1.500	1.500					
	- Dây chuyền finger tự động		XN4																						1.385	1.385					
b	XDCB, thiết bị quản lý																								13.700	13.700					
	- Hệ thông PCCN		XN1																						5.000	5.000					
	- Trạm xử lý nước thải XN1		XN1																						2.000	2.000					
	- Nhà cầu 550 m2 (trạm nước cũ)		XN1																						1.200	1.200					
	- Lò sấy gỗ (tổng 180 m2)		XN4																						2.000	2.000					
	- Nhà kho phụ trợ 350 m2		XN3																						1.500	1.500					
	- Thương mại		CTY																						2.000	2.000					
c	Phương tiện vận tải																								1.900	1.900					
	- Xe tải điện ECVAN (03 xe)		CTY																						1.000	1.000					
	- Xe ô tô điện MPV7 (1 xe)		CTY																						900	900					

[illegible]

TT	Tên dự án/công trình	Nhớ m dự án	Địa điểm thực hiện dự án/công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lĩnh vực đầu tư (VSIC 2018)	Quyết định đầu tư					Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (hoặc q/đinh phê duyệt quyết toán)					Lấy kế vốn đầu tư đến 31/12/2020		Số vốn đầu tư thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2025					Nhu cầu vốn đầu tư giải đoạn 2026-2030			Ghi chú
							Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Cộng			Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Cộng			Tổng số		Tổng số vốn chủ Vay	Tổng số vốn chủ Vay	Tổng số vốn chủ Vay	Tổng số vốn chủ Vay	Tổng số vốn chủ Vay	Tổng số vốn chủ Vay			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Vốn chủ Vay			Vốn chủ Vay	Vốn chủ Vay	Vốn chủ Vay	Vốn chủ Vay	Vốn chủ Vay							Vốn chủ Vay		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0-11+1	11	12	13	14	5=16+1	16	17	8=19+2	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27	
	- Đầu tư bổ xung, thay thế MMTTB ngành gỗ																						10.000	10.000			

BÁO CÁO

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần 26

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán...

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Công ty đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ để cập nhật kịp thời với các quy định mới của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung sửa đổi:

(Có văn bản dự thảo Điều lệ sửa đổi kèm theo)

3. Kiến nghị và tổ chức thực hiện: Kính trình Đại hội đồng cổ đông :

- Xem xét và biểu quyết thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ trên.
- Thông qua toàn văn bản Điều lệ mới của Công ty.
- Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, công bố Điều lệ mới với các cơ quan chức năng liên quan

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận :

- ĐHĐ Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRINH XUÂN HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Địa chỉ: Đường Hội Xá - Tổ 5 - Phường Phúc Lợi - Thành phố Hà Nội

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

ĐIỀU	NỘI DUNG	TRANG
	PHẦN MỞ ĐẦU	4
	CHƯƠNG I	5
	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1	Giải thích thuật ngữ	5
	CHƯƠNG II	
	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
	CHƯƠNG III	7
	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 4	Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5	Phạm vi kinh doanh, hoạt động và nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh của Công ty	8
	CHƯƠNG IV	8
	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	
Điều 6	Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 7	Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8	Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9	Chuyển nhượng cổ phần	9
	CHƯƠNG V	10
	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	
Điều 10	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
	CHƯƠNG VI	10
Điều 11	Quyền của cổ đông	10
Điều 12	Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13	Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15	Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16	Thay đổi các quyền	16
Điều 17	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19	Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21

ĐIỀU	NỘI DUNG	TRANG
Điều 21	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
	CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 24	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 25	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 27	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 28	Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 29	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
Điều 30	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 31	Người phụ trách quản trị công ty	31
	CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 32	Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 33	Người điều hành Công ty	32
Điều 34	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	32
	CHƯƠNG IX NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC	33
Điều 35	Quản lý vốn nhà nước tại Công ty	33
Điều 36	Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước	33
Điều 37	Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước	34
	CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 38	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 39	Thành phần Ban Kiểm soát	35
Điều 40	Trưởng Ban kiểm soát	35
Điều 41	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	36
Điều 42	Cuộc họp của Ban kiểm soát	36
Điều 43	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	37
	CHƯƠNG XI TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 44	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 45	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38

ĐIỀU	NỘI DUNG	TRANG
	CHƯƠNG XII QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 46	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	39
	CHƯƠNG XIII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN	40
Điều 47	Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổ chức chính trị - xã hội	40
Điều 48	Công nhân viên và công đoàn	40
	CHƯƠNG XIV PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 49	Phân phối lợi nhuận	40
	CHƯƠNG XV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 50	Tài khoản ngân hàng	41
Điều 51	Năm tài chính	41
Điều 52	Chế độ kế toán	41
	CHƯƠNG XVI BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 53	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	42
Điều 54	Báo cáo thường niên	42
	CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 55	Kiểm toán	42
	CHƯƠNG XVIII DẤU CỦA CÔNG TY	43
Điều 56	Dấu của Công ty	43
	CHƯƠNG XIX GIẢI THỂ CÔNG TY	43
Điều 57	Giải thể Công ty	43
Điều 58	Gia hạn hoạt động	43
Điều 59	Thanh lý	43
	CHƯƠNG XX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 60	Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
	CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 61	Điều lệ công ty	45
	CHƯƠNG XXII NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 62	Ngày hiệu lực	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần 26 xây dựng điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần 26 trên cơ sở các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách một cách hợp lệ, phù hợp với Luật pháp Việt Nam là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thành lập Công ty cổ phần 26 tổ chức ngày 19-20 tháng 4 năm 2007 và được bổ sung, chỉnh sửa tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 và năm 2012, 2017, 2019, 2021, 2026.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **“Công ty”** là Công ty cổ phần 26 với đầy đủ các thông tin quy định tại Điều 2 Điều lệ này.

b. **“Địa bàn kinh doanh”** là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

c. **“Vốn điều lệ”** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua tại thời điểm thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

d. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

e. **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.

f. **“Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp”** là Luật số 68/2025/QH15.

g. **“Ngày thành lập”** là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

h. **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22/06/2015.

i. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

j. **“Người quản lý doanh nghiệp”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng).

k. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan.

l. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp là cá nhân có quyền sở hữu thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

m. Giấy tờ pháp lý của cá nhân là thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

n. **“Người đại diện phần vốn nhà nước”** là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện

chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

o. **“Cổ đông”** là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần do Công ty phát hành.

p. **“Thời hạn”** là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.

q. **“Cổ đông lớn”** được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là: **CÔNG TY CỔ PHẦN 26**

Tên tiếng Anh: **26 JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **HAS JSC.**

2. Công ty cổ phần 26 (sau đây gọi tắt là Công ty) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần, được tổ chức, hoạt động theo Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam và theo Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty.

Công ty lấy ngày 18/7/1978 là ngày truyền thống của Công ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a. Địa chỉ: Đường Hội Xá - Tổ 5 - Phường Phúc Lợi - Thành phố Hà Nội.

b. Điện thoại: 0243.8751460/1/2/3/4

c. Fax: 0243.8751460

4. Công ty có các đơn vị trực thuộc:

- Nhà máy May-Dệt-Nhựa (Xí nghiệp 26.1): Chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm may mặc, mũ, nhựa các loại...

- Nhà máy Giấy (Xí nghiệp 26.3): Chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm giấy da, giấy vải, dép... các loại.
 - Nhà máy chế biến gỗ (Xí nghiệp 26.4): Chuyên sản xuất các sản phẩm đồ gỗ, bao bì các loại...
 - Trung tâm kinh doanh (Xí nghiệp Thương mại): Chuyên kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ theo ngành nghề do Công ty sản xuất.
5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty cổ phần 26 có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội Đồng Quản trị.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần 26 có đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty
 - Công ty cổ phần 26 được tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm;
 - Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định cụ thể ngành, nghề kinh doanh của Công ty mà pháp luật không cấm;
 - Tại thời điểm thông qua điều lệ này, danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - Khi đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty, Công ty cổ phần 26 thực hiện đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng công khai trên website của Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh là phụ lục không tách rời của Điều lệ này.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty
 - Phát triển Công ty trở thành một trong những Công ty có vị thế, chỗ đứng vững chắc và thương hiệu mạnh chuyên sản xuất cung cấp cho thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu các sản phẩm giấy dép, may mặc và sản phẩm chế biến từ gỗ tự nhiên;

- Thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đảng, Đại hội đồng cổ đông hàng năm; Hoàn thành tốt kế hoạch hàng năm và các nhiệm vụ chính trị được giao; Duy trì đơn vị phát triển ổn định, vững mạnh;
 - Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước trên cơ sở minh bạch trong kinh doanh;
3. Mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại Công ty được thực hiện thông qua quyền của cổ đông nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước và cơ chế giám sát theo pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; không làm thay đổi nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh, hoạt động và nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề đã đăng ký, đã công bố và đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

Công ty thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh theo quy định của Nghị định số 16/2023/NĐ-CP, quy định pháp luật có liên quan và quyết định của cấp có thẩm quyền; quản lý nguồn lực được giao để thực hiện nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, phạm vi, chế độ bảo mật, chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được công bố theo quy định của pháp luật;

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập, nếu có, được nêu tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc pháp luật có quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết do Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho cổ đông hoặc người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo cách thức được quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được đăng ký, lưu ký tập trung theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty cổ phần 26 được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có

các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của tài liệu, chứng cứ cung cấp kèm theo yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số

người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của tài liệu, chứng cứ cung cấp kèm theo yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

(Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.)

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được

thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của tài liệu, chứng cứ cung cấp kèm theo yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

(Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.)

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội

dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các

vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng

ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu

trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc

tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải bảo đảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành theo quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:

a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để bảo đảm tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bảo đảm quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và

thường của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thì tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của người đó được thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện phần vốn nhà nước theo Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên

khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và

bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của

tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong

công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 35. Quản lý vốn nhà nước tại Công ty

1. Các nội dung người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Định hướng phát triển Công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;

b) Ban hành sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát của Công ty;

d) Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản của Công ty;

đ) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất.

e) Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại điều 25 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước. Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ tại Công ty nộp vào ngân sách nhà nước. Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do nhà nước nắm giữ tại Công ty để bổ sung vốn nhà nước tại Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 36. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước

1. Thực hiện quyền, trách nhiệm một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Nhà nước, doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Kịp thời báo cáo xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của

Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị theo quy định tại mục 2 Chương III của Luật này.

3. Chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của Luật này và quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm các nội dung về xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm, phương án phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp, những trường hợp sai phạm khác và khi doanh nghiệp bị đề nghị giải thể, có nguy cơ phá sản.

4. Cảnh báo, kịp thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, đề xuất biện pháp can thiệp phù hợp khi doanh nghiệp có vốn nhà nước có nguy cơ, rủi ro dẫn đến thất thoát, hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp, những trường hợp sai phạm khác và khi doanh nghiệp bị đề nghị giải thể, có nguy cơ phá sản.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu về tình hình đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

7. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ công ty, pháp luật về doanh nghiệp, quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Không được tiếp tục làm người đại diện phần vốn nhà nước khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn nhà nước hoặc thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc khi bị cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 37. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước chuyên trách được hưởng tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác do Công ty chi trả.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước không chuyên trách được hưởng tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác như sau:

a) Thù lao do doanh nghiệp chi trả (nếu có);

b) Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác do cơ quan đại diện chủ sở hữu chi trả.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại [Điều lệ công ty], Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban

kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XI
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI
ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng quản trị, giao dịch chỉ được thực hiện khi các nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch, mối quan hệ và lợi ích của các bên có liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết.

b) Đối với giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ này, giao dịch chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ này; cổ đông có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự,

hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 47. Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty là tổ chức Đảng cơ sở, là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng trong Công ty thực hiện tốt chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước; bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và người lao động trong Công ty. Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, xây dựng Công ty vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”.

2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ cơ sở trong Công ty có quyền hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ theo hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Công ty và điều lệ của các tổ chức. Công ty cổ phần 26 tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động có hiệu quả.

Điều 48. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính

xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 56. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia

độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương, 62 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần 26 nhất trí thông qua ngày 19-20 tháng 4 năm 2007 tại Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty, được bổ sung, chỉnh sửa tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, 2012, 2017, 2019, 2021, ngày tháng 6 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 20 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một bản nộp tại phòng Công chứng Nhà nước của Địa phương.
- b. Các bản còn lại đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng và lưu giữ tại văn thư của công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính xác của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP

TT	Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Ghi chú
1	Tháng 5/2007 đến tháng 6/2026	50.000.000	
2			
3			
4			